

Truyện Khải Nguyên HT

Vnthuquan.net, 2009.



Một thoáng Yên Bái

Từ lâu, tôi đã mong được đến thăm hồ Thác Bà nhưng cứ bị nhớ hoài. Đã được đến hồ Ba Bể, cái hồ tự nhiên lớn nhất nước, cũng nên biết cái hồ nhân tạo có lẽ là rộng nhất nước cho đến nay. Những người cùng cảnh và đủ thân để “rủ rê” lại chẳng tự tin để làm một chuyến du “ta ba lô”. Thì độc hành vậy.

THÀNH PHỐ MIỀN BÁN SƠN ĐỊA

Tỉnh lỵ Yên Bái nằm trên vùng đất trung gian giữa trung du và miền núi. Xưa, nó heo hút, ẩm đạm ; một chấm nhỏ trên bản đồ ít được biết đến. Thế rồi, một sự kiện đã làm chấn động cả xứ Đông Dương thuộc Pháp (Đông Pháp) ; và cái tên Yên Bái hằn vào tâm trí người Việt. Một cuộc bạo loạn đã nổ ra! Ghê thật! Dám đứng lên chống lại các “quan” đô hộ Pháp! Cuộc khởi nghĩa Yên Bái do đảng

Quốc Dân của Nguyễn Thái Học tiến hành xảy ra vào năm 1930. Chẳng khó hình dung cái thị xã nghèo nàn này nằm chết lặng trong không khí khủng bố của bọn cầm quyền. Và rồi, cũng như bao thị tứ tỉnh lẻ khác, kéo lê cảnh sống khốn khó, buồn tẻ, xập xệ. Năm 1945, thị xã bừng lên trong những ngày cách mạng tháng Tám chưa được bao lâu thì những người cũng mang cái tên đảng của Nguyễn Thái Học xưa theo chân quân Tàu Tưởng (vào nước ta với danh nghĩa quân Đồng minh thắng trận trước khí giới quân Nhật bại trận) đã tới chiếm đóng. Phổ xá ồn lên cái không khí chống chính quyền Việt Minh. Sau khi quân Tàu rút về nước chúng, thị xã mới hoà lại vào khí thế toàn quốc kháng chiến chống Pháp trở lại xâm lược.

Ngồi trên xe lửa, tôi cố tưởng tượng về cái đô thị đã được nâng lên cấp thành phố thuộc tỉnh chưa lâu này. Và khi đặt chân đến, tôi ngỡ ngàng. Đâu rồi cái thị tứ hoang liêu mà tôi cuốc bộ đi qua đầu những năm 50 thế kỷ trước trong cuộc kháng chiến thứ nhất : không ra hình thù phố xá ; những nhà còn lại tiêu sơ và dường như vắng hơi người ; cây hoang len vào đây đó. Tôi những muốn được nhìn nơi bọn thực dân Pháp xử tử Nguyễn Thái Học và các đồng chí của ông mà không biết hỏi ai. Đâu rồi cái thị xã vừa hồi sinh sau cuộc chống Mĩ thắng lợi. Tôi từ Hà Nội đến sau lần trước chừng ba mươi năm. Đã có dáng đô thị tuy còn chắp vá, xộc xệch. Thấy rõ sự đậm bạc và tưng tiệm. Hầu như không có nhà lầu. Thừa thớt người, lác đác xe đạp, không thấy bóng xe hơi. Chung quanh là đồng bãi, ruộng vườn gần và núi đồi xa.. Ga xe lửa bé tí ; phía trước quang quẻ, nền đất mấp mô. rải rác dăm cái cột gỗ hoặc tre. Tôi đã từng mắc võng nằm chờ sáng, chiếc xe đạp dựng bên cạnh mà không thấp thỏm

như dưới xuôi.

Thành phố Yên Bái nay trải dài dăm ki-lô-mét dọc con đường từ Hà Nội đi Lao Cai, và kéo ra tận sông Hồng. Phố xá khang trang, nhiều nhà ba, bốn tầng. Đường nhựa, đường bê tông rộng rãi ; có cả đường đôi. Đã mất đi cái không khí êm đềm mang chút hoang sơ của một thị tứ bán sơn địa. Tuy nhiên, chưa đậm cái không khí xô bồ, ồn ã, chen lấn của các đô thị miền xuôi. Ban ngày, đường phố không ùn người và xe cộ. Nhiều xe máy, ít ô tô, hiếm xe đạp. Tám giờ tối, tôi đi một vòng các đường phố chính chỉ gặp ba ô tô, một xe đạp và mười xe máy. Đường vắng nhưng hiệu đèn ở các ngã tư được tuân thủ nghiêm chỉnh ; người đi xe máy đều đội mũ bảo hiểm .

Thành phố có hai công viên : Cây Nấm và Yên Hòa, không thật rộng nhưng thoáng đãng. Hải Phòng, đô thị loại một, chưa có công viên nào như thế.

Công viên Yên Hoà có hồ nước, đảo giữa hồ, thảm cỏ xanh rải rác cây trồng đang lên tươi, nhà ngồi ngồi,...
Một tượng đài quần thể những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái, ba năm mộ cách điệu hoá không đề tên, một hàng chữ lớn trên cao ghi câu nói nổi tiếng của Nguyễn Thái Học: “Không thành công cũng thành nhân”. Một góc trang trọng của công viên dành cho cuộc khởi nghĩa thật đáng quý. Có phải đúng nơi đây là pháp trường xưa năm 1930? Đáng buồn là dường như ít người dân Yên Bái biết đến cuộc khởi nghĩa này cùng các nhà lãnh đạo. Người lái xe ôm trạc trung niên chở tôi đi “tìm đài tưởng niệm Nguyễn Thái Học và cuộc

khởi nghĩa Yên Bái” rong hầu khắp thành phố không ra. Mãi rồi có người mách công viên Yên Hoà, anh ta nói : “Công viên ấy thì cháu lạ gì!”. Công viên thanh tĩnh, êm ả, vài người ngồi chơi trong nhà nghỉ. Một cháu bé chừng mười tuổi đi tới khu tượng đài. Tôi hỏi: “Cháu có biết Nguyễn Thái Học là ai không?”. Cháu không trả lời thẳng vào câu hỏi : “Cô giáo bảo cháu tới đây xem”. Lại thêm một cháu nữa đi tới.

Như nhiều đô thị khác, thành phố Yên Bái tụ hội người tứ phương, nhất là từ miền xuôi Bắc Bộ. Người thì lên công tác rồi ở lại, người thì lên lập nghiệp. Thế hệ họ có thể yên tâm xây dựng quê hương mới. Hậu duệ của họ có thể khác. Tôi gặp trên tàu từ Hà Nội lên một chàng trai khá dễ thương, sinh viên năm đầu học viện điện lực, về thăm nhà ở thành phố Yên Bái. Ông bà cậu là dân Hà Nội lên đó định cư đã lâu. Cha cậu là kỹ sư điện, mẹ dạy Phổ thông trung học, đều tại đây. Cậu nói, hồn nhiên : “Học xong, cháu không muốn làm ở Yên Bái. Cháu muốn đến nơi lạ, đâu cũng được, kể cả nơi đang nghèo khó”. Tuổi trẻ thích bay nhảy ; ý nghĩ của cậu bé này còn pha màu lãng mạn. Không ít bạn trẻ ngày nay thiết thực hơn ; ngay cả khi ước mơ họ cũng hướng thực.

Người miền xuôi lên định cư hẳn mang theo cái “khôn lanh”. Song, con cháu họ vẫn có thể “nhiễm” cái chất phác bản địa. Trừ trường hợp lai hai thứ đó thành một thứ lấu cá pha tạp, còn thì nói chung là “chất” dễ mến. Xuống ga Yên Bái đã hết chiều, tôi đang hỏi thăm nơi có xe buýt vào bến tàu hồ Thác Bà, chặng đường 16km, thì một anh lái xe ôm đến nói : “Bây giờ bác để cháu đưa về nhà cháu,

hết mười đồng thôi. Nhà cháu nấu cơm cho bác. Sáng mai cháu sẽ đưa bác vào đây kịp giờ”. Dân xe ôm dưới xuôi lắm mảnh, nhưng cậu này nom cũng lành. Miễn là không nhớ chuyến tàu sáng. Tôi đồng ý. Chiếc xe đi ra ngoại thành quanh quất, vòng vèo trên một quãng đường khúc khuỷu và lổn nhổn đất đá, đi mãi, hai bên đường là những đám cây tạp, đèn đường tù mù, thưa thớt, chẳng thấy nhà cửa. Lại là tôi chẳng thấy nghi ngại gì cả. Mãi rồi cũng tới nơi. Cậu xe ôm, tên là Sơn, cho biết đoạn đường xấu chỉ bảy trăm mét thôi. Xe qua cổng, đông thẳng vào sân. Nhà kiểu nông thôn, có vườn cây tạp, có giếng nước, thuộc một phường của thành phố. Sơn từng làm nhiều việc, kể cả đi mò đá quý, nay làm xe ôm đã hai mươi năm. Vợ cậu vốn làm thợ may nay cũng chuyển qua làm đồng nghiệp của chồng ; mấy hôm nay phải nằm nhà do vượt đèn đỏ xe bị giam nửa tháng. Hai vợ chồng đều gốc dưới xuôi. Nhà cửa tuyềnh toàng. Những vật có giá trị có lẽ là xe máy và bộ da gấu khô khá lớn còn nguyên cả lông. Tôi nghĩ bụng : Vợ chồng nhà này đều chăm chỉ, có sức khỏe, với khu vườn này nếu được chỉ cho cung cách làm ăn (có cả hướng dẫn, chỉ đạo đầu vào, đầu ra...) thì cuộc sống hẳn sẽ khác. Bữa cơm ăn chung cả nhà có rau dưa và dồi tiết lợn mà anh chồng phóng xe đi mua về. Sớm hôm sau, Sơn đưa tôi ra bến tàu hồ... Cậu xe ôm này rõ ràng là muốn bám khách,-chỗ này không sẵn khách. Nhưng cậu chất phác hơn các đồng nghiệp dưới xuôi nhiều ; có thể bị họ cho là ngớ ngẩn và, khách-tôi cũng là ngớ ngẩn nốt. Giá cậu am hiểu các tuyến du lịch và các điểm du lịch địa phương thì tốt cho nghề của mình hơn, mà cũng tốt cho khách hơn, cả cho ngành du lịch địa phương nữa. Song, điều này chẳng nên chê hay trách cậu. Giá như địa phương...!

Đến Yên Bái càng thấm thêm ý nghĩ : đất nước ta giàu tài nguyên, tuy trữ lượng không cao, mà dường như “không có ai là chủ” hoặc “vì ai cũng là chủ”. Yên Bái có quặng chì, quặng sắt, đá quý. Người dân kể rằng : một ông già đi thả trâu nhặt được mấy viên đá đem đổi được đài, loa mang về nhà cho phát inh ỏi. Thế là rộ lên phong trào đi đào ngọc. Sơn kể : năm 1990 nhặt được một viên đồ tươi nặng tới 1,2 kg “nhưng cháu dại quá chỉ bán cho con buôn 5 triệu, đáng ra ít nhất cũng phải 50 triệu”. Sau đó, cậu ta nhặt được viên chỉ nặng 0,4 kg hơi có vết rạn mà bán được 20 triệu (đồng). Loạn xạ một hồi bãi đá Tân Hương ; nay chỉ còn là một vùng đất nhàm nhở. Đầu kia hồ phía Lục Yên, thời còn tỉnh Hoàng Liên Sơn, có sự liên doanh với người Thái Lan để khai thác đá quý. Người ta phó mặc cho người Thái quây một vùng đào bới ; chẳng biết làm ăn ra sao cho đến khi tự họ rút đi lúc nào (!).

Tài nguyên nổi trội nhất của Yên Bái chính là hồ Thác Bà mà ngoài thủy điện ra, các tiềm năng khác chưa được tận dụng, trong đó có tiềm năng du lịch.

CỎI XANH HỒ “ANH CẢ”

Trên bản đồ Việt Nam, phía Bắc, có một vệt xanh kéo dài theo hướng đông nam-tây bắc, gần như song song với sông Hồng, đó là hồ Thác Bà, cái hồ dài chừng 70 km và chỗ rộng nhất gần 7 km, cái hồ thủy điện “anh cả” (hay “chị cả”?) của miền Bắc, nếu không là của cả nước.

Nếu các đảo trong hồ là các đảo đá thì có thể nghĩ đây là một cõi “vịnh Hạ Long” .

Bạn đã đi tàu trên vùng biển Côn Đảo, bạn đã du trên vịnh Hạ Long, bạn đã dạo thuyền trên hồ Ba Bể, bạn hãy đến hồ Thác Bà! Cũng là cái thú phiêu bồng, trên là trời, dưới là nước, nhưng mỗi nơi mỗi “phong vị” riêng. Cũng là trời nước, nhưng ở hồ Thác Bà không có những khoảng mở phóng tới chân mây như ở Côn Đảo ; không có những khối núi đá choáng ngợp khi gần, giăng thành khi xa như ở Hạ Long ; không mơn man tầm mắt như ở Ba Bể. Bầu trời trên hồ Thác Bà mang dáng dấp bầu trời cao nguyên, vắng chân trời mà không gọi thêm chân trời. Nước hồ Thác Bà xanh sáng, không xanh thẫm như ở vùng biển Côn Đảo, không có lúc âm âm màu da trời ám mây như ở vịnh Hạ Long, không xanh đậm bóng cây rừng như ở hồ Ba Bể. Đi giữa vịnh Hạ Long, ta vừa ngợp vừa kinh khoái trước cái hùng vĩ ; đi trên hồ Ba Bể, ta thấm cái thâm u, tĩnh lặng và thoát phàm trần ; đi trên hồ Thác Bà, ta lâng lâng cái thú phiêu du mà khoáng đạt. Trước mặt, sau lưng, hai bên, gần và xa, những hòn đảo xưa là những ngọn núi ngạo nghễ án ngữ những lối đi về quanh quất, bùng tầm nhìn, bóng núi ám mỗi bước chân lữ khách. Một chút u hoài len vào lòng ta khi liên tưởng dưới hàng chục mét nước kia xưa từng là làng bản, những mái nhà, những vườn cây, những con đường, từng in dấu trong những cuộc đời, từng chứng kiến những cuộc tình, những mối yêu thương, cả những sợi thù hận,...

Đi trên hồ mắt dẹt màu xanh nước hồ và màu xanh cây đảo. Tháp thoáng đôi nơi trong rừng cây những nếp nhà gỗ đơn sơ, gọi là “trại” của dân để canh rừng. Có thì giờ, bạn có thể lang thang trên hồ, trên

các đảo, dựa vào dân canh tác hoặc dân đánh bắt cá. Hầu hết các đảo đều đã phủ cây, chủ yếu là keo và bạch đàn, hai loại cây hiện đang sinh lợi nhất ở đây. Bạch đàn, sau 5 năm là thu hoạch được ; tái sinh đến ba lần, có nghĩa là sau ba lần đốn để lại gốc mới phải trồng mới, song đất chóng bạc màu. Keo thì không được vậy, đốn xong phải trồng mới, và phải sau 7 năm mới thu hoạch được, nhưng đất giữ được màu. Trước đây, trồng táp nham hoặc để hoang hoá, trọc ; từ khi có chương trình 327 của nhà nước mới được vậy. Máy hành khách trên tàu cười bảo: “Vậy, nhưng khi thu hoạch, dân bán những thứ “đều” cho nhà thu mua, những thứ “ngon lành” thì dành cho tư thương, có khi được chở xuống Hải Phòng để xuất sang Hong Kong đấy”.

Ở các chân và sườn đảo không dốc lắm, người ta trồng đỗ, ngô, nhất là sắn. Gần đây sắn “lên ngôi”, một héc-ta có thể thu 30 triệu đồng mỗi vụ.

Nếu bạn không có điều kiện thuê thuyền làm một chuyến du khắp hồ thì có thể đi theo các chuyến tàu khách. Có ba chuyến cùng xuất phát từ một bến toả đi ba hướng chạy qua một phần hồ đến xã An Phú, xã Cẩm Nhân và thị trấn Thác Bà.

Thị trấn Thác Bà nằm kề đập thủy điện, hình thành từ ngày có nhà máy điện nay đã có phố, có chợ,...

Xã Cẩm Nhân không còn nguyên chất “miền núi” như xưa, không chỉ do những biến động sau khi dòng sông Chảy bị ngăn lại dâng lên

thành hồ, mà lâu nay đã khá giả lên nhờ trồng cây nguyên liệu giấy, trồng sắn và, một phần quan trọng, đào quặng chì, quặng sắt bán sang Tàu (Nước bạn chẳng hẹp gì mà không cho bán lậu sang mình những nguyên liệu như thế! Một việc làm tự phát, và tất nhiên là phạm pháp ; khi các nhà chức trách nước ta biết đến thì lượng quặng coi như đã kiệt).

Dẫu vậy, dẫu có sự pha tạp về dân cư, về hình thức cư trú, về môi trường sống và cách sống,... , những làng bản này cũng như thị trấn Thác Bà, nếu tinh lọc, gìn giữ và phát huy được những nét riêng bản địa trong ăn ở, sinh hoạt, cùng những đặc sản ẩm thực, y phục, trang sức, nghệ thuật dân gian truyền thống thì có thể thu hút khách du trong và ngoài nước.

Chuyến tàu đến Cẩm Nhân, bạn trả 100.000đ/người nhà tàu sẽ chịu khó thay đổi lộ trình một chút cho bạn ghé lên động Thủy Tiên thăm thú, chừng ba giờ sau người ta sẽ quay lại đón bạn. (Bạn có thể thuê thẳng một chuyến thuyền đến đó, tất nhiên là với giá khác).

Động Thủy Tiên xưa kia hẳn là khó lên bởi nằm gần đỉnh một ngọn núi đá vôi (có lẫn ít đất đủ để cho cây cối mọc), nay chỉ cách mặt nước hồ vài mươi mét. Tên động gắn với tích một chuyện tình không phải của người phàm. Nếu bạn đã từng thăm thú nhiều hang động trong và ngoài nước thì dễ có cảm tưởng na ná nhau. Tất nhiên là không phải vậy. Động Thủy Tiên trơ vơ giữa trời nước Thác Bà, qui mô thường thường, song khá đa dạng.. Động có ba tầng, hiện chỉ mới khai thác cho du lịch tầng chính gồm ngách động giữa, ngách

động công chúa và ngách động hoàng tử. Còn lại, tùy khách du, những ai thích khám phá và mạo hiểm. Tầng chính khá rộng, hồi chống chiến tranh phá hoại của Mỹ, cơ quan lãnh đạo của tỉnh từng đặt trụ sở phòng tránh ở đây. Nay, cơ quan du lịch sở tại đặt người trực thường xuyên để thu phí tham quan và hướng dẫn, cả phục vụ ăn uống kiểu “dã chiến”. Như ở bất cứ điểm tham quan nào khác, bản hướng dẫn đã được soạn sẵn và được học thuộc lòng, -hắn để phòng nói “lạc” đi. Chúng tôi chỉ có hai người, tôi những muốn hỏi chuyện thoải mái để được chỉ dẫn thân tình, nhưng cậu hướng dẫn viên thì “Thưa với đoàn...” và cứ thế cho đến hết “băng” ghi sẵn trong đầu. Chuyện tình công chúa-hoàng tử có những tình tiết thú vị được minh họa bằng những hình thù nhiều dáng vẻ của thạch nhũ. Tuy nhiên, ánh sáng mờ mờ thừa thớt của mấy ngọn đèn điện máy nhỏ cùng ánh đèn pin nhạt nhòa trong tay hướng dẫn viên không gây được những ấn tượng cần có.

Nhớ lần đi thăm động Y Linh bên Tàu. “Trong hang tối thui, đèn chỉ bật sáng theo chân người hướng dẫn để đưa đường và chiếu rọi các hình ảnh khớp với lời thuyết minh. Các hình nhũ đá được người ta gán cho những vật, những cảnh và lồng vào những câu chuyện lí thú thường là theo các tích xưa. Người xem chỉ còn nghe và nhìn mà thưởng thức. Song, đó cũng là chỗ không hay. Chẳng còn đất cho tưởng tượng, suy đoán. Khách du lại phải bám sát đoàn và người thuyết minh, muốn nán lại xem kỹ một cảnh nào đó cũng không được. Khách du cũng không được thư thái để có cái thú len lỏi “dạo” trên các đường hang khúc khuỷu, hay cái sảng khoái khi lọt vào một đoạn hang cao rộng, thoáng đãng thỏa mắt ngắm nhìn những vú đá

muôn hình nghìn vẻ”.

Cũng nhớ lần thăm thú động Thiên Cung trên vịnh Hạ Long.
“Trong hang, một hệ thống đèn vừa để soi sáng, vừa để làm nổi cảnh trí, điểm tô thêm các hình thù đá. Hang rộng, thoáng mát, lối đi quanh quất lên xuống khá “tạo cảnh”, thạch nhũ sạch đẹp, được ánh sáng màu tôn lên, lung linh trong một không gian lẫm liệt gợi trí tưởng tượng của khách du. Tuy nhiên, tất cả quá sáng rõ như trong phòng trưng bày, mang vẻ tĩnh tại như đá vẫn thế. Giá như tạo được độ sáng tối, đậm nhạt cần thiết làm cho thạch nhũ trở nên sống động như thực, như ảo có thể gợi cho khách du những hình tượng và cảnh sắc thú vị ; và, nếu tạo được không khí và có sự dẫn tứ, còn có thể chấp cánh cho trí tưởng tượng bay bổng”.

Động Thủy Tiên, không thích hợp để làm “thuyết minh theo lộ trình” như ở động Y Linh. Cái đáng học họ là ánh sáng chiếu rọi khớp theo lời thuyết minh phải đủ sáng và linh hoạt. (Tiếc thay, ngay ở động Phong Nha, Quảng Bình, cũng không được vậy!). Động Thủy Tiên, cũng không thể để sáng đèn luôn như ở động Thiên Cung. Nhưng cần thiết phải có hệ thống đèn thoả đáng, bật lên khi có khách. Không chỉ ở các ngách động chính. Bố trí mọi nơi có thể đến, hoặc để hỗ trợ cho “lộ trình thuyết minh”, hoặc để dành cõi riêng cho du khách, trong đó có khách thích phiêu lưu.

Khách du muốn hưởng lâu hơn không khí và cảnh trí của hồ có thể thuê thuyền để lãng du, nhưng tốt hơn có lẽ là đi theo thuyền đánh cá. Cá măng trong hồ vốn nổi tiếng. “To bằng bắp vế là thường”

-chủ tàu khoe. Anh chọt xuống giọng. “Tiếc rằng... Trước kia, tàu đi như thế này động nước cá nhảy đầy. Bọn đánh cá trộm dùng mìn, dùng điện. Đánh huỷ diệt. Dùng điện, bọn chúng kích ba nghìn vôn, trứng cá cũng ung, sinh vật phù du cũng tuyệt”. Một người dân đi trên tàu chép miệng: “Giống cá ấy tuyệt chủng rồi”. Trong hồ tất nhiên còn những thứ cá khác. Cá tự nhiên và cá giống thả hàng năm. Tuy nhiên, lượng cá vẫn giảm dần.

Nghề nuôi thủy sản nơi hồ Thác Bà mà khởi sắc lên, phồn thịnh có thể mời gọi thêm khách cho ngành du lịch. Ngoài cảnh quan, sinh thái, nghỉ dưỡng, người ta còn được thưởng thức đặc sản địa phương, được chứng kiến hoặc tham dự một kiểu sinh hoạt, làm ăn trên hồ.

* * *

Năm trước, tỉnh Yên Bái phát động năm du lịch và quảng bá sự liên kết du lịch giữa ba tỉnh Yên Bái – Lao Cai – Phú Thọ. Song le, hỏi đến thì người dân thành phố Yên Bái, kể cả dân lái xe ôm và dân tàu thuyền hồ Thác Bà, đều mu mờ. Nhiều người nói đến khu du lịch sinh thái Tân Hương của người tên là H. Đ.D. làm được mấy cái nhà “dân tộc” rồi bỏ, sau khi rút ruột dự án vài chục tỉ đồng. Tay D. này thuộc loại “năm xê” (c.c.c.c.c.), họ nói, kinh doanh các thứ khác nữa, và có mặt ở nhiều nơi. Một người kể : “Anh ta gửi bọn cháu trông coi hộ mấy cái tàu nát. Ban đầu còn trả công đảng hoàng, về sau chây ra ; bọn cháu phải xiết nợ đến cả chân vịt tàu”. Người khác nói : “Khởi sự cũng thấy xôm ra trò. Anh ta mua tàu cũ về sửa sang đẹp mã lắm,

vận hành mấy chuyến chở các quan chức ngao du rùm beng rồi xếp xó. Hình như bây giờ dự án sang tay cho ai khác rồi hoặc treo”. Hỏi : Chuyện như vậy mà “chìm xuống” luôn sao? Đáp : “Đến như ông chủ tịch (tỉnh) nọ, vốn thăng từ giám đốc công an lên, làm “thất thoát” ba chục tỉ đồng, báo chí rộ lên một dạo, mà rồi cũng hạ cánh an toàn đấy”. Tôi đang lúi húi ghi mấy số liệu thì một tay còn trẻ, khỏe mạnh béo tốt, cứ sán để hỏi : ghi gì? ghi để làm gì? để viết bài đăng báo à? v.v... Người lái tàu nói : “Anh ta là công an đấy”. Tôi bảo : “Này chú! Nếu chú là công an thì hẳn biết thế nào là xâm phạm quyền tự do cá nhân chứ?”. Anh ta vội nói : “Không, không, cháu không phải là công an” và lảng đi.

Liên kết du lịch ba tỉnh Tây Bắc dọc sông Hồng là một ý tưởng hay. Yên Bái, chỉ riêng hồ Thác Bà cũng đã có thể đóng góp “sản phẩm du lịch” có giá trị rồi. Tuy nhiên, đó cũng đang là tiềm năng, như nhiều tiềm năng khác, có thể đã được đánh thức, song chưa thực sự vươn vai đứng dậy.

Người ta “khoe” với tôi mấy khách sạn tráng lệ. Khách sạn Trâu Vàng của một cặp vợ chồng kĩ sư xây dựng, sau khi phát lên, ở nội thành. Khách sạn Hương Giang của công ti cà phê Trung Nguyên bên kia cầu sông Hồng (cái cầu bê thế do Liên xô xưa giúp làm). Khách sạn Thác Bà trên đồi cạnh bến tàu. “Bác nên đến các nơi đó nghỉ. Có đặc sản đấy”. “Đặc sản gì vậy?”. “Xin lỗi, bọn cháu đùa thôi. Ở đấy chỉ có gái”. Chuyện chẳng lạ ở các đô thị, -không chỉ đô thị, của ta, đâu chỉ ngày một ngày hai! Nhưng nếu sản phẩm du lịch là vậy?! Mong cho, và tin rằng, bộ mặt du lịch hay bức tranh du lịch

Yên Bái không phải vậy.

Hải Phòng, 5 - 2008

Khải Nguyên HT

Cánh cò trên đảo Đình Vũ

“Tôi xa Hải Phòng hơn hai chục năm rồi mà vẫn nhớ một thứ đặc sản, bình dân thôi, nhưng đúng là đặc sản Hải Phòng. Không! Không! Chẳng phải phở mà có người bảo trên tài phở Hà Nội, chẳng phải bánh chưng Thủy Nguyên vừa to vừa rền, chẳng phải nước mắm Cát Hải, chẳng phải mực Cát Bà mà có thời là cửa lẹ trong nhà hàng một số nước Đông Âu. Nó dân dã mà đậm đà, chỉ nghĩ đến thôi cũng khoái. Ông cười gì? À, ông nghĩ đến cái món “đặc sản” mà tôi giới thiệu chộc ông lúc ông đang lớ ngớ mới làm dân Hải Phòng chứ gì! Cái món “quả dưa” Đồ Sơn ấy tôi cũng chỉ “đánh trận mồm” thôi có đi vào thực địa đâu mà đeo đẳng kí ức. Món tôi nói đây là cá bống Đình Vũ. Ông lại cười! Tưởng là gì, phải không? Cá bống, nhưng là cá bống Đình Vũ! ”.

Hình như tôi hiểu ông bạn. Hẳn là cá bống Đình Vũ chẳng phải có gì đặc biệt khiến rạng danh văn hoá ẩm thực đất Cảng, trừ khi có những “gia vị” phi vật thể. Ấy là vào những năm túng thiếu, túng đói nữa, trước hết là về thực phẩm. Dầu dân thành phố đã tận dụng

những mảnh đất trống để trồng rau; tận dụng bếp, hành lang để nuôi heo, nuôi gà. Hải Phòng kề biển mà đến cá khô cũng hiếm. Thế rồi có “phong trào” sấm cần câu. Ờ, ngoại thành thiếu gì ao chuôm, sông ngòi. Chớ! hợp tác xã quản lí cả đấy. Rỉ tai nhau : ở đập Đình Vũ....Cũng chỉ rủ những ai thân tình; buổi đầu cần có bạn. Nơi ấy hoang vắng lắm. Phải đạp xe hơn mười cây số. Lại phải đến đấy vào lúc kè hoàng hôn cá mới ham cắn câu (chớ chẳng phải ngại ban ngày ban mặt đâu, hỉ!) . Chẳng lâu la gì người ta phát hiện ra ở đập là “mỏ” cá bóng. Cá này kho nước mắm-đường-tiêu cho quánh lại theo lối trong nam thì khỏi nói (kể ra thì buổi ấy nước mắm, đường, tiêu chẳng sẵn lắm đâu). Cải thiện bữa ăn , “sang” ấy chứ , bên đĩa rau muống luộc.

Chiều xuống, rồi chạng vạng bóng hoàng hôn quanh quất , những bóng người rải ra đứng canh bên bờ đá . Thỉnh thoảng những động tác tay đập muối và những câu nói vọng sang nhau chẳng khuấy được cái u tịch triền miên; một bên là đảo hoang sinh lầy , “ lãnh địa “ của cây dại , muối mòng , rắn rết ,...; một bên là những đồng bãi với xóm làng xa mờ mờ sương khói .Có khi chấp chới muợn mấy “bóng cò trên đảo cánh phân vân” (*) .

Đảo Đình Vũ vốn bị kẹp giữa hai dòng sông rộng : sông Bạch Đằng và sông Cấm , nhìn ra hai cửa biển : cửa Nam Triệu và cửa Cấm.

-Khi chưa có cái đập ngăn sông Cấm nối đảo với đất liền , Đình Vũ chỉ là cái đảo hoang chưa biết đến dấu chân người

-Nói hay thật! Vậy chớ hồi Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đi

ngiên cứu thực địa để lập trận tuyến phục kích quân Nguyên-Mông trên sông Bạch Đằng lại không đảo qua mảnh đất chằng hẹp trấn ngoài cửa sông này chăng ? Lại nữa , quận He Nguyễn Hữu Cầu , người từng dọc ngang trên sông Bạch Đằng , khi quần nhau với quân Trịnh , nhất là khi bị bạn đồng môn cũ Phạm Đình Trọng rượt đuổi tìm diệt, không có lúc phải ém quân nơi đây sao ? Cái tên Đình Vũ khá chững hờ đã được đặt ra một cách “ chính qui” chứ không truyền miệng mà thành như Quả Muối , Cái Bèo ,... Đảo hoang không có nghĩa là bị bỏ rơi. .

-Ờ , nghe nói hồi Pháp còn đô hộ nước ta , tức là trước năm 1945 ấy, có người đã tìm cách khai phá Đình Vũ nhưng Tây nó không cho .

-Cũng có thể . Thời ấy , ra đó kiếm ăn lẻ thì được , còn đậu lại thì khó . Những “tay chơi” mà được trấn trên Đình Vũ có thể đột kích các tàu ra vào cảng ...

-Tây nó cũng ngu nhỉ ! Không biết dùng Đình Vũ làm bàn đạp mà vươn thẳng ra Cát Hải , Cát Bà , lại dùng đường thủy quanh queo .

-Có thể chúng ngu hơn ông , nhưng chúng ranh chán . Có cảng Hải Phòng thì phải quan tâm đến đường thủy chứ . Rồi chuyện liên lạc với vùng than . Nên nhớ là thực dân Pháp là bọn bản tiện nhất trong lũ thực dân . Người ta nói :bị đế quốc đô hộ đã là bất hạnh rồi, song, sa vào tròng đế quốc Pháp còn khốn nạn nữa . Giáo sư Trần Văn Giàu nói : “Các đế quốc khác khai thác thuộc địa , ăn thịt chúng còn để lại ruột non ruột già cho dân bản xứ ; còn đế quốc Pháp thì xức tất , cả những thứ trong ruột ” . Xây dựng , phát triển chút gì ở thuộc địa , chúng cũng nhằm kiếm lợi cho “mẫu quốc”, chứ chẳng nhằm khai hoá người bản xứ như chúng vẫn rêu rao đâu ! Có thể

chúng cũng có nghĩ đến con đường từ Cát Hải xuyên qua Hà Nam bắt vào con đường Mươi ở quãng Quảng Yên . Nhưng xét lợi ích kinh tế hay yêu cầu quân sự chẳng có gì đáng để chúng đổ công của vào chuyện đó . Sau này , người Hải Phòng “nội địa” cũng thấy Cát Hải , Cát Bà quá là diệu vợi , nhưng là cái kiểu “gần nhà, xa ngõ”. Hà Nam sát liền Cát Hải đấy nhưng lại thuộc tỉnh khác . Ngày ấy , phà vượt biển đã khó , nói chi cầu qua biển . Từ chót cuối đảo Đình Vũ , ngóng sang bên kia lạch biển thấy dải núi mờ xanh , xa thật là xa .

Một ngày đẹp trời nọ , có chàng kĩ sư trẻ dè dặt đề xuất việc nối đảo Đình Vũ với đất liền . Một cái đập ngăn sông Cấm .

Cái đập ra đời mang tên đảo . Có cái đập , đảo Đình Vũ gắn với đất liền như một bán đảo , nhưng vẫn hoang vu và lầy thụt, loi thoi cây ngập mặn .

Chung quanh chuyện cái đập này cũng lắm ý kiến , thường là đồn thổi. Người thì khen những triển vọng. Ngó xa, sẽ là mở ra cửa ô thứ năm vươn tới huyện đảo Cát Hải. Nhìn gần, một mặt tập trung dòng nước cho cửa ngõ vào cảng Hải Phòng ; mặt kia ngăn dòng cho nuôi trồng thủy sản. Người thì chê những dự định dựa trên tham vọng nhiều hơn là hiểu biết thấu đáo. Có vẻ như đã thấy vài hệ quả. Bên này, đảo Cát Hải : “Ôi chao! bờ biển bị lở ngày càng nhiều!”. Bên kia, khu nghỉ mát Đồ Sơn : “Ôi chao! Bãi tắm bùn đọng như ruộng sấp cày!”. Mà thu hoạch thì xem ra... Có một chuyện nghe như chuyện cười dân gian. Một hôm, có vị lãnh đạo cấp cao về thăm Hải Phòng. Vị đứng đầu địa phương đưa đi thăm thú các nơi. Đến đầm nuôi thủy

sản Đình Vũ, người ta cho kéo lên những con cua xinh thật là xinh, vị lãnh đạo cấp trên không ngớt lời khen ngợi “cứ thế này mà tiến lên!”. Nhưng kìa! mấy tay nhà báo láu lỉnh đang bấm chóa nhau chuyện gì vậy? Thì ra có càng cua còn quắp chặt sợi lạt buộc mà người ta đã cởi ra trước khi thả con “bò ngang” xuống nước. Họ rỉ tai nhau : gần một nửa “đại đội” của từ chợ Sắt trở về ém tại đây từ sớm.

Nếu chỉ là những kế hoạch cò con, chấp vá, hoặc để đối phó hay khoe mẽ thì “cõi đất” Đình Vũ mười ki-lô-mét vuông mãi mãi chỉ là cõi hứa trên miệng và trên giấy.

Đảo chính của Ma Cao cũng chỉ khoảng 10 km², từ rất lâu đã là một đô thị hiện đại với chừng 40 vạn dân (mật độ cư dân vào hàng cao nhất thế giới) hàng năm đón 10 triệu du khách ; tổng thu nhập hàng chục tỉ đô la Mỹ / năm . Ma Cao chỉ có một ít công nghiệp nhẹ, kĩ nghệ chủ yếu là du lịch, nhất là sòng bạc. Riêng khoản sau thu 10 tỉ USD mỗi năm (60% số đó nộp cho Bắc kinh). <Các số liệu năm 2003>. Chưa kể các khoản thu từ nhà hàng, khách sạn,...

Đình Vũ, nếu là khu du lịch, khó mà kiếm được lượng khách như Ma Cao. Không nói những điều kiện khác như vị thế, lịch sử,... chỉ riêng các sòng bạc đã thu hút 80% lượng khách đến Ma Cao. Đình Vũ có “gan” và có “tài” mở ra “vương quốc đỏ đen” như họ không? Cũng dễ hiểu là dự án khu kinh tế Đình Vũ đi theo hướng khác.

Bây giờ thì cái đảo hoang đang trở mình. Những bước đi đầu tiên của một dự án qui mô và dài lâu đang báo trước một Đình Vũ hoàn

toàn lột xác và vươn dậy.

Đảo hoang Đình Vũ như là biểu tượng sự giới hạn trước những thách thức tự thuở năm mươi người con theo cha Lạc Long Quân tiến ra phía biển khởi đầu công cuộc khai phá đồng bằng và ven biển, chuyển dần từ phương thức hái lượm, săn bắt sang phương thức trồng trọt, chăn nuôi, và (manh nha) khai thác biển. Biết bao thế hệ kế tiếp nhau đã dựng nên cơ đồ ngày một hoàn thiện hơn. Song le, trải hơn bốn nghìn năm từ thời kì đồ đá đi lên cho tới thế kỉ 20, đất nước chúng ta chưa vượt lên khỏi thời kì đồ sắt thủ công nghiệp, đang lẻo đẻo theo sau công cuộc công nghiệp hoá của thế giới tiền tiến. “Người đẹp” Đình Vũ nằm ngủ hàng mấy nghìn năm giữa bao tiềm năng chờ chàng “hoàng tử” hiện đại hoá đến đánh thức. Song, chẳng phải chàng nào mang danh công nghiệp hoá cũng hợp duyên.

Lần đi thăm Đình Vũ mới đây, tôi bắt gặp một đàn cò trắng mấy trăm con từ một đầm nước bay lên lượn vòng, -hình ảnh thân thuộc chốn đồng quê mà nay đã hiếm đi.

Những đàn cò này mai ngày sẽ về đâu? Hỏi vậy kiểu trách cứ thật là lẩn thẩn. Nếu cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật vô tội vạ khiến cho cánh cò thừa dần trên ruộng đồng ; nếu việc hiến những vùng đất bờ xôi ruộng mật cho các khu công nghiệp, sân gôn,... thay vì những chốn khô cằn, hoang hoá, để chiêu các nhà đầu tư, khiến cho các đàn cò lơ láo nơi thôn quê là đáng chê trách, đáng lên án thì lẽ nào cứ giữ những nơi như Đình Vũ mãi mãi hoang vu!

Hỡi cò! Con người cũng phải kiếm sống. Nhưng con người chẳng thể như cò chỉ với đôi chân và cái mỏ, dẫu người Việt Nam ta từng ví đám người đáng quý nhất, đáng trọng nhất, mà cũng đáng mũi lòng nhất, với “thân cò lặn lội bờ sông”. Con người trên xứ sở này cần tiến bước cùng thiên hạ, phải nhờ vốn của người ta, kĩ thuật của người ta, cung cách làm ăn của người ta. Dĩ nhiên, chẳng phải họ đến với mục đích giúp dân bản xứ giàu mạnh lên. Chỉ có hiểu biết, tinh táo và “lành mạnh” mới có thể cùng họ chia phần thoả đáng. Còn phần của cò? Những toà cao ốc, những đường cao tốc, những cảng nước sâu, những chiếc cầu vươn dài trên biển nối Đình Vũ với Cát Hải, Cát Bà chẳng là “đất lành” để cò đậu. Nhưng cò hãy an tâm đi, hay ít ra thì cũng gắng mà tin như chúng ta rằng : những đô thị văn minh bao giờ cũng có rừng cây, mặt nước, -những “lá phổi xanh”, trong lòng nó và vùng ven ; rằng những vành đai cây ngập nước làm lá chắn phòng hộ không bị đối xử chênh mảng, vô trách nhiệm hoặc thực dụng một cách thiên cận, vơ vét,... ; rằng vân vân...

Rồi đây, chẳng còn cánh cò chao liệng trên hòn đảo này. Bao giờ khu kinh tế Đình Vũ cất cánh? Tôi mừng tượng rằng sẽ có lúc mình đến đứng trên một điểm cao nào đó của khu đô thị Đình Vũ mà ngóng xa thấp thoáng bóng cò bay...

() Thơ Xuân Diệu : “ Con cò trên ruộng cánh phân vân ”*

Hải Phòng, 11 – 2008

Khải Nguyên HT

Chim Gõ Kiến

Hoài bão giả thí hoài bão thật.

(triết ngôn
dân dã)

Hai người cưỡi ngựa đi trong khoảng rừng chầy nham nhở. Rừng cây chết lặng, lá cây như nép vào nhau. Người đội mũ vải có lưỡi trai khoác khẩu AK. Người đầu trần mang khẩu súng thể thao và một cái ống nhôm. Họ chỉ trở, quan sát những cây cỏ thụ rải rác đó đây chỉ hơi bị sém lá và bàn bạc nho nhỏ. Nom họ có vẻ ung dung và phởn phơ. Chợt "tộc, tộc, tộc"... tiếng chim gõ kiến nổi lên. Tiếng đội mũ hồ tựa gió vừa động lá. Cây khẽ cựa mình và đôi ngựa rung bồm. Người đội mũ vải máy người đầu trần. Hai người xuống ngựa nhẹ chân đi về phía có tiếng chim. Như có phép lạ, cây vàng tâm ở đó không bị ngọn lửa đụng tới một phiến đá nhỏ. Để ý nhìn, có thể thấy quanh cây quang quả như đã được dọn trước một vành đai an toàn. Hai người rón rén đi vòng quanh gốc cây ngáp ghé nhìn lên.

Tiếng gõ đã im. Chẳng có dấu hiệu gì tỏ ra là có chim chóc trên cây. Người đầu trần đưa ống nhòm lên mắt sục sạo. Kia rồi! Một chú chim màu xám títt trên cao, hai chân bám vào thân cây, cái mỏ dài của nó đang tì vào vỏ cây. Có lẽ lúc này cái lưỡi dài thon, sắc nhọn và dễ uốn thành cái móc của chim đang khoan vào khe hở trong vỏ cây, cố lọt vào trong cái đường hầm lắt léo của con sâu nào đó để lôi nó ra. Người đầu trần trở cho người kia thấy. Anh này nâng khẩu A.K., nhưng người đầu trần ra hiệu ngăn lại:

- Nát mắt. - Tiếng anh ta thoảng như tiếng khản - Để còn sấy khô đưa vào phòng truyền thống.

Anh ta chỉ khẩu súng thể thao và gần như không cần ngắm, nổ ngay một phát. Anh ta vốn là tay thợ săn nghiệp dư cừ khôi. Con chim chỉ hơi động cánh rồi im lìm, cái đầu nghiêng nghiêng một bên ngó nhìn xuống dưới. Anh thợ săn làm bầm một câu chữi tục, thay viên đạn mới lấy một phát nữa. Vỏ cây toác ra một miếng nhỏ sát dưới đuôi chim. Con chim vẫn bất động như chọc tức. Người đội mũ gạt người đầu trần ra bên, giương khẩu súng của mình ngắm cẩn thận rồi kéo luôn một băng đạn. Cả một mảng lớn vỏ cây văng ra lao xuống hai bộ mặt đang ghéch lên. Hai người dạt ra tránh và đều ng• sống soài, hai khẩu súng dần mạnh xuống đất kêu đánh "bộp". Hú vía! Không ai hề hấn gì. Họ lồm cồm bò dậy và cùng trở mắt ra: con gõ kiến xám đầu đỏ đã chết cứng tự bao giờ, hẳn là từ phát đạn đầu, chân vẫn quặp chặt vào mảnh cơ thể của cây vàng tâm.

* * *

Khi ánh ngày vừa hửng thì trong các tán lá rừng đã lao xao gió

và rộn rã tiếng chim. Họ nhà gỗ kiến có thể sánh ngang những viên chức nề nếp, cần mẫn, năng nổ và có lương tâm nhất. Nhưng chúng quá khiêm tốn đến mức nhút nhát và an phận. Ít ai được trông thấy chúng.

Tộc, tộc, tộc,... Chà! Chú mày đúng giờ khiếp. - Chị liếc nhìn đồng hồ tay mỉm cười một mình - mỗ liên hồi ra cái điều ta đây tích cực. Nhưng chú mày có công hay có tội chưa được phân định đâu. Chị nhớ đến các cuộc tranh luận dai dẳng trong đội tu bổ và khai thác rừng. Cả vạt rừng này hình như chỉ có một con gỗ kiến, và ai cũng đinh ninh nó là con trổng. Chẳng biết tổ nó ở đâu? Nó có bạn đời không? Nó mỗ để làm gì? Số đông cả quyết rằng gỗ kiến chuyên săn lùng sâu bọ, côn trùng và kén của chúng, lắm khi còn mỗ các tổ mối; nó là loài có ích. Đội trưởng, một người thích săn bắt từ thú đến chim, thì buộc tội gỗ kiến là quân phá hoại. "Này nhé! - Anh ta đưa tay dứ dứ như những khi đang đàn diễn thuyết - Nó khoét thân cây làm ổ có ảnh hưởng đến cây không nào? Nó mỗ vỏ cây suốt ngày tránh sao khỏi làm hư hại cây! Nó mỗ tìm gì? Nó xua đuổi và tiêu diệt kiến là loại bảo vệ cây chống sâu bọ, nhất là kiến đỏ". Còn đội phó từng giữ kho ở Trường Sơn thì nói với giọng không cho ai nghi ngờ: "Bảo gỗ kiến mỗ cây để tìm kiến ăn là láo khoét. Tôi đã từng quan sát rồi. Nó gọi bạn tình đấy". Cần một nhà sinh học có kinh nghiệm hoặc một "nhà kinh nghiệm" có kiến thức sinh học may ra mới phân giải được.

Làm việc trong rừng bạt ngàn cây cao bóng cả mà con người không cảm thấy bé nhỏ và đơn độc nhỉ? - Chị trầm nghĩ - Nếu hiểu

được đời sống của rừng, nghe được những tiếng nói riêng của rừng thì sẽ là một niềm vui lớn. Tiếc là mình còn đang rất lơ mơ về chuyện này. Đó! Lại đang "tộc, tộc, tộc,...". Khoảnh rừng như ảm hẳn lên. Có tiếng dầm mạnh trên cành lá khô phía sau, nét cười trên gương mặt chị nhòa mất. Không ngoảnh lại nhưng chị cũng biết người đó là ai rồi. Tầm này đội trưởng đội ba hay xuống kiểm tra, đôn đốc các tổ và người công tác lẻ rải rác trong các vạt rừng được giao. Anh ta thường cưỡi ngựa, đeo súng săn, có cả một chiếc ống nhòm lủng lẳng trước ngực. Như là một bức biếm họa người đi săn mô phỏng từ một bộ phim nước ngoài nào. Cũng có khi anh ta mang khẩu súng thể thao. Đó là những khi anh ta không chủ định đi lòng muông thú. Thiếu phụ giật mình vì tiếng ngựa hí gần ngay sau lưng. Ít khi đội trưởng dừng lại nơi chị. Thoảng qua là một câu hỏi han chiếu lệ. Dẫu rằng sau đó chị khó lấy lại được sự thanh thản và ánh mắt sắc của đội trưởng như vẫn dán vào từng động tác của chị - cái mặc cảm của người bị theo dõi, chị vẫn lấy thế làm mừng, bởi chị không biết cách ăn nói với cấp trên các loại sao cho phải đạo. Chồng chị thường phiền lòng vì nhược điểm ấy của chị. Hôm nay anh ta cần gì mình nhỉ. Hay là vì cái chuyện hôm ấy? Chiều hôm ấy, chị nán lại sau buổi làm việc và bắt gặp đội trưởng đi "sát quần chúng" trở về. Vắt ngang trên yên ngựa phía trước là một con gấu chó. Loại thú này gần bị tuyệt diệt nên đã có nghiêm lệnh cấm săn bắt do chính giám đốc lâm trường truyền đạt. Chị là thành viên của hội bảo vệ môi sinh. Nhưng lúc đó chị đã quay đi vờ như không nhìn thấy rồi mà! Chị đâu biết rằng ngay tối đó, đội trưởng đã đến nhà riêng giám đốc biểu bốn bàn chân gấu - món đặc sản ngày xưa thường chỉ xuất hiện trên bàn tiệc của các bậc vua chúa. Giám đốc chẹp chẹp miệng: "Cơ quan bảo vệ

động vật quý hiếm mà biết thì chết đấy!" Rồi cười lên khà khà. Ông ta ngừng cười, thân mật ghé mặt lại gần mặt cấp dưới: "Này! Mật gấu thắm vào giấy bản hong khô để dành là quý lắm, có giá lắm đấy nhá". Đội trưởng nắm bắt ngay được ý tứ của thủ trưởng.

Tối hôm đó chị phàn nàn với chồng:

- Họ phá rừng chưa đủ, lại còn phóng tay diệt chim, thú quý hiếm.
- Ồi! Chồng chị tặc lưởi - ít nữa nơi này chẳng còn là nơi trú ngụ của chúng nữa đâu. Chẳng săn bắt thì cũng chẳng để làm gì.
- Còn việc bảo vệ môi sinh? - Chị không hiểu hàm ý của chồng.
- Cô cứ như con chim gõ kiến ấy, tưởng cứ khua mỏ là rừng phải động - Anh chồng bực bõ cất lời vợ.

Chị phật ý xoay người vào tường, nhưng anh chồng vẫn nằm chắp tay sau gáy nhìn lên đỉnh màn mãi suy tính chuyện gì tận đâu đâu.

Lúc này chị đã lo hã. Chuyện chị bắt gặp con gấu chết oan, đội trưởng cho qua tự đời thuở nào rồi.

- Công việc tỉ mỉ này cũng vất vả đấy nhỉ. - Anh ta sẫm soi một lúc rồi lên tiếng.

- Cũng có cái thích anh ạ. - Chị không định trả lời thế.

- Ờ, thích cũng thích, mà vất vẫn vất chứ. Khoảnh rừng này xem ra toàn gỗ tấp nham. - Anh ta nói với giọng bí thử, song mắt lại có ánh ranh mãnh.

- Chẳng tấp nham đâu. - Chị thật thà nói - Lát hoa, gụ, lim... đủ cả. Ngoài những cây đã có thể khai thác, còn nhiều cây nhỏ, cây con.

Vừa lúc tiếng gõ kiến chọt lại rộ lên.

- Hừ! Tao định hỏi tội mày đã lâu. - Đội trưởng trật súng ra khỏi

vai.

- Đừng, anh ạ. - Chị hốt hoảng nói, giọng van lơn - Để cho nó vui rừng. Chị không dám ra mặt bênh con chim.

- Được thôi! Anh ta nói về dễ dãi - Để cho nó lêu têu ít lâu nữa. Nó không chết thì rồi cũng phải cuốn xéo.

- Sao vậy? Chị ngờ ngác hỏi.

- À, "tư duy mới" mọi cái đều có thể xảy ra. - Anh ta nói lấp lửng - Này! Có muốn lên công tác công đoàn với đức ông chồng không? Trên cho công đoàn lâm trường thêm chỉ tiêu một cán bộ chuyên trách nữa đấy. Nữ càng tốt.

Chị biết đội trưởng có quyền nói giọng ấy bởi anh ta ở trong thường vụ đảng ủy lâm trường. Lên làm ở văn phòng công đoàn hay lên làm một công việc gián tiếp trên lâm trường bộ là mơ ước của không ít công nhân, cán bộ đang hàng ngày dầu dãi trong rừng. Nhưng sao chị lại cảm thấy lo lắng. Mình có gì "sai lầm, thiếu sót hoặc sơ suất" nên bị điều đi? Chị đã có quá nhiều kinh nghiệm về những chuyện tương tự. Hồi đang là học sinh, cô bí thư chi đoàn lớp không đồng ý kết nạp vào đoàn một bạn học con ông, cháu cha vừa lười, vừa ngỗ. Buổi sơ kết thi đua cuối tháng, cô được gần hết ban chấp hành chi đoàn, dưới sự chỉ đạo của bí thư đoàn trường và giáo viên chủ nhiệm, "góp ý thẳng thắn và chân thành" về khuyết điểm ít quan tâm đến phong trào học tập của lớp. Cô nhận là có phần đúng. Cô được chuyển sang làm cán bộ lớp phụ trách lao động, vì "có sức khỏe và tháo vát". Ngày mới ở trường lâm nghiệp ra xin được về làm ở lâm trường này, cô gái trẻ háo hức bước vào đời nhận việc bố trí và theo dõi phần việc thuê làm vệ sinh rừng. Mỗi toán người ngoài

lâm trường đến làm công việc chặt dọn những cây gỗ tạp, những cây con lam nham, những dây leo, đều do một người đứng ra nhận khoán và thanh toán với lâm trường. Cô muốn chủ động làm việc, nhưng bao giờ cũng đụng phải một số nguyên tắc, thủ tục nào đó mà cuối cùng cũng phải qua tay trưởng phòng kế hoạch và trưởng phòng tài vụ quyết định. Được ít lâu, cô nhận thấy có những điều mờ ám dính với bọn "cai đầu dài". Cô vừa nêu lên những nhận xét này với lãnh đạo tuần trước thì tuần sau trong cuộc họp của phòng kế hoạch, cô được góp ý cũng "chân thành và thẳng thắn" về những thiếu sót ảnh hưởng đến việc hoàn thành kế hoạch của lâm trường. Cô nhận là có thiếu sót. Thế là cô được điều đi làm cái việc điều tra, tu bổ rừng "cho hợp với năng lực chuyên môn và nhu cầu công tác". Cô được giao hẳn một khoảnh rừng với một trách nhiệm khá mù mờ, khó gọi tên phân minh, nhưng nếu tận tâm làm thì cơ man là việc. Vốn được đánh giá là ý thức tổ chức tốt, cô chấp hành nghiêm chỉnh sự điều động. Tuy nhiên, từ đó cô đâm ra dè dặt trong lời nói, trong việc làm, và trong các cuộc họp kiểm điểm cô cứ lo nơm nớp. Người yêu cô có viết thư an ủi và động viên cô. "Học triết ở lớp chính trị mà em không nhớ: tự do nghĩa là nắm được qui luật. Qui luật đây, với chúng ta, là qui luật cách sống hiện tại, tự do đây là hoài bão mỗi người". Anh muốn nói đến qui luật sống nào vậy? Hoài bão nào vậy? Cô thấy mình mới nhỏ nhoi làm sao!

Những ngày ấy, trong khoảnh rừng này, đã có những giờ phút chị chỉ biết lăm lũi làm việc. Và may, những tiếng chim gõ kiến đã đến làm bạn với chị, như là một sự nâng đỡ.

Trong khoảnh rừng mình phụ trách chị phát hiện ra một cây vàng tâm. Nơi ấy là một góc rừng heo hút ngày trước nổi tiếng linh thiêng, những tay thợ rừng, thợ săn liều lĩnh nhất cũng không dám bén mảng tới. Câu chuyện dính với một truyền thuyết về một vạt rừng đầy những cây vàng tâm bị con người bòn rút đến kiệt.Ồ! Gỗ vàng tâm! Ngày còn học trường chuyên nghiệp, chị quen một ông già vốn là chủ một hiệu đồ gỗ xưa kia.

- Cháu ạ, làm đồ gỗ gia dụng, người ta hay chuộng những gụ, những lát. Các loại này thì đẹp thật, quý thật. Cái "anh" vàng tâm thì không có màu sắc tôn quý của gụ, vân hoa lộng lẫy của lát. Màu sắc nó giản dị, khiêm nhường thôi, nhưng nó lại có những cái hay khác: nhẹ mà bền, không mối, không mọt, không mục, không nứt, rất ít biến dạng.

- Cháu nghe nói gỗ vàng tâm chỉ làm áo quan thôi.

- Làm áo quan thì nhất đẳng rồi. Ngày trước có ngôi mộ hơn trăm năm đào lên cổ sàng vẫn y nguyên. Cái chất gỗ ấy dùng làm gì chả tốt. Tiếc là cây vàng tâm ở ta nay mất giống rồi hay sao ấy.

Nhớ lại lời ông già, trong đầu chị lóe lên một ý nghĩ: liệu có thể bảo tồn và phát triển giống cây này ở đây không? ý nghĩ vụt ra nhanh như tia chớp và không chịu rời khỏi trí óc chị nữa. Song... có được không nhỉ? Có nên không nhỉ? Chị viết thư cho chồng. Anh khuyến khích chị. Anh cho biết anh cũng đang thai nghén một đề tài. "Chúng mình cùng quyết tâm đạt đến những công trình khoa học, nho nhỏ thôi cũng được. Có nhỏ rồi mới có to! Nhưng em hãy ướm xem ý tứ lãnh đạo ra sao". Chị chưa dám "ướm" và chờ một dịp "may". Vậy mà giờ đây lúc có chồng bên cạnh... Linh tính báo cho chị cây vàng tâm đang bị đe dọa.

Đội trưởng bỏ đi khá lâu, chị vẫn còn phân vân. Tộc, tộc, tộc,... Con gõ kiến hiểu được nỗi lòng chị chẳng mà tiếng gõ nghe rời rạc. Chị cảm thấy buồn nôn, phải vịn vào một thân cây. Phải chăng đây là một tín hiệu mừng? Với chị, cái mừng nào hình như cũng kề cận cái lo. Chị nhớ đến đứa con đầu, và lòng chị nhói lên. Ôi! Đứa con của tình yêu đang độ, của niềm tin tươi nguyên. ấy là một buổi trưa nắng dịu. Ngôi nhà lá im ắng nấu mình trong vườn cây ven rừng. Tiếng chim ríu ran xa xa, và gió lướt nhẹ trên mái lá. Khung cảnh và không khí có chút gì quạnh quẽ rất dễ gợi buồn, làm mủi lòng những ông già đã về hưu và đẩy những cô cậu thanh niên đến những nơi ồn ã. Nhưng thần hạnh phúc đang đáp xuống căn nhà này. Chị chuẩn bị đi làm chiều thì chồng chị bước vào.

Anh ôm chị chặt chặt, cho biết anh theo một đoàn công tác, chỉ tranh thủ ghé qua chốc lát thôi. Lúc này chị đang nằm trong vòng tay chồng. Anh vừa vuốt ve vợ vừa thì thầm: "Em có nhớ anh không? Anh mới được kết nạp Đảng. Anh đang phấn đấu để được đi Tây, đi nghiên cứu sinh ấy mà. Đi về, anh sẽ không lùi xùi như thế này nữa. Anh sẽ..." Chị phụng phịu (chị không nổi giận anh): "Anh không có chuyện gì để nói với em nữa hay sao?" Anh hôn hóm vai chị: "Anh muốn con chúng mình được hoài thai trong ước mơ và hoài bão của cha mẹ nó, lúc này này!" Chị khẽ "ừ ừ" trong cổ và tiếp nhận anh. Trong mê mải, chị vẫn nghe tiếng chim gõ kiến âm âm, dồn dập, tựa hồ sóng âm thanh cũng có sức mạnh chao đảo. Nhưng chị đang như tự tan ra, và những âm thanh ấy rồi cũng mất hút đi trong hư ảo. Đúng như mong muốn của vợ chồng chị, hơn chín tháng sau chị sinh

con, một đứa con trai tròn trĩnh, bụ bẫm, rất chóng biết nói, nhưng chậm biết đứng, biết đi. Ngày chồng chị xin chuyển công tác về quê nhà, đứa bé bỗng kém ăn, suốt ngày làm lì, ủ dột. Đêm đến, nó trần trọc và thờ dài như người lớn. Sau ít ngày, nó thử dần và ra đi trên tay người mẹ. Nỗi vui được sum họp thường xuyên với chồng chẳng làm chị khuây khỏa bao nhiêu. Gia đình, anh có những lo toan mà chị không hiểu lắm. Đến khi được làm thư kí công đoàn lâm trường anh lại có thêm những đam mê mới. Một trong những cái mới ấy là thích khoác khẩu A.K cưỡi ngựa dạo rừng, khi thì với giám đốc, khi thì với đội trưởng đội ba.

* * *

Tôi thì tôi biết anh ta khá rõ. Anh ta với tôi đồng hương, hồi đó làm việc cùng cơ quan. Tôi tốt nghiệp đại học trước anh ta khá lâu. Vừa đến nhận việc hôm trước, hôm sau anh ta đã tìm đến thăm tôi. Anh ta kể những mẫu chuyện quê hương làm quà khá hấp dẫn, rồi chuyển qua bộc bạch lúc nào tôi chẳng kịp nhận ra.

- Khóa em ra trường khối người còn nằm chờ. Ông chú thứ trưởng của em định xin cho em về một viện nghiên cứu trung ương. Phải chờ biên chế hơi lâu. Em không muốn về quê. Muốn thì xong ngay. Hãy bay nhảy cái đã. Cân nhắc mãi rồi em chọn thành phố này. Cũng là một trung tâm kinh tế, văn hóa đấy chứ nhỉ. Ông giám đốc cơ quan ta thế nào anh?

Tôi thấy ưa anh ta. Tiếp chuyện anh ta một lúc, tôi đã giới thiệu cận kề cho anh ta biết tính nết, sở thích của thủ trưởng và các nhân vật khác có máu mặt trong cơ quan.

Hai năm sau, giám đốc cử anh ta làm tổ trưởng tổ công tác gồm hơn mười người.

- Các anh biết không? - Thủ trưởng kìm giọng giải thích cho người nào đó đã huýt sáo miệng khi biết tin ấy - Máy ai năng nổ được như hấn ta. Có nhớ hồi sơ tán tránh thằng Ních-xơn không? hấn ta đã lặn lội cắt cho cơ quan bao nhiêu là cói để lợp tán.

Tôi cũng giữ một cương vị lãnh đạo trong cơ quan, tuy ở vào một vị thế mà tiếng nói kém sức nặng, tôi hiểu rằng chừng ấy chưa đủ để làm trưởng về chuyên môn dù chỉ là một tổ.

- Thôi, hấn ta chẳng quá dốt và chưa nát hơn số người khác. - Tôi tự nhủ để cảm thấy yên lòng.

Anh ta có vẻ là người khá. Chịu khó học hỏi, cả trong lĩnh vực khó thừa nhận người khác hơn mình nhất. Dĩ nhiên, anh ta cũng chọn người và chọn lúc để học hỏi.

Anh ta hay tâm sự với tôi. Hôm cưới vợ, anh ta nài tôi về quê dự cho được. Anh ta lấy một cô gái cùng huyện học trường lâm nghiệp ra. Cô gái xinh xắn và đôn hậu ấy đã trao mối tình đầu một cách thơ ngây pha chút đại khờ như mọi niềm yêu chất phác và trọn vẹn. Điều đó mơn trớn cái hãnh diện của anh ta khiến anh ta thấy mình bao dung, nhất là mỗi khi anh ta ngậm ngùi một cái bóng yêu kiều thị thành vờn qua cuộc đời mình. Tuy vậy, anh ta cũng đã lần chân mãi mới cưới. Cưới xong, cô vợ vẫn ở lại nhà mẹ đẻ. Vẫn ngóng đợi chồng mỗi năm hai lần nghỉ Tết và nghỉ "tranh thủ" như đã từng ngóng đợi người yêu. Và trong những lần ấy, cô sung sướng được

chi xài những thứ ki cóp được trong cuộc sống tằn tiện: gạo nếp, đỗ, lạc, gà vịt, mật ong,... Sự ngóng chờ nhẹ bớt đi khi chồng cô để lại cho vợ "bản sao" của mình được hoà thai trong mơ ước và hoài bão của họ, như chồng cô nói. Vậy là từ đó, niềm vui những ngày sum họp ngắn ngủi lại cộng thêm cái sướng được chồng khen khéo nuôi con. Dường như sự cách xa lại là một bảo đảm và một minh chứng cho hạnh phúc.

Cơ quan được cử một người đi "nghiên cứu sinh" ở nước ngoài. Giám đốc chọn anh ta. Nhưng anh ta thi sơ tuyển thiếu quá nhiều điểm. Anh ta lại được đi học lớp cao học trong nước. Học được nửa tháng, anh ta lại phải bỏ dở vì chứng nhức đầu, theo lời anh ta.

- Không cho mình đi Tây học một chuyến, quả là sai lầm. - Anh ta nói với tôi, dở nghiêm chỉnh, dở đùa đùa, không rõ định bảo ai sai lầm. Ở tuổi chúng mình có lẽ phấn đấu theo con đường khoa học kĩ thuật không thích hợp nữa. - Anh ta nhấn mạnh "chúng mình", anh ta ba mươi hai, còn tôi thì đã hơn bốn mươi.

Một lần họp đại hội chi bộ, anh ta và tôi đều được đưa vào danh sách ứng cử ban chấp hành. Tôi trúng cử, anh ta trượt. Buổi tối, anh ta đến nhà tôi, lúc tôi đang chuẩn bị đi ngủ.

- Thăng em tôi đã được vào chi ủy năm ngoái... - Anh ta có vẻ ngùi ngùi - Nó vào Đảng trước tôi có ba tháng hai ngày. Ông chú thứ trưởng của tôi cứ bảo tôi phấn đấu... - Những lúc vui chuyện, cũng như lúc có điều bất như ý, anh ta hay nhắc đến "ông chú thứ trưởng" một ông chú họ xa làm thủ phó một cơ quan gần ngang bộ, sau này bị mất chức vì một vụ bê bối và không được anh ta nói đến một lần nào nữa.

Bỗng nhiên anh ta vạch tội thủ trưởng kiêm bí thư đảng một cách

dè bủ không ngờ. Anh ta đoán tôi chẳng đời nào dám đưa những lời ấy đến tai thủ trưởng. Song le...

- Anh có hứa hẹn gì với thằng ấy không mà sau cuộc bầu chi ủy nó có vẻ oán anh đấy. - Lựa lúc thuận tiện, tôi nói vậy với thủ trưởng, và cũng chỉ nói đến vậy.

Bây giờ nhớ lại, ngồi đối lương tâm mình, tôi thấy mình làm thế quả chẳng phải do ý tốt. Song, tác dụng lại quá bất ngờ đối với tôi. Lúc bấy giờ, tôi chưa biết mỗi lần về quê ra anh ta đều có quà biếu thủ trưởng, một chuyện không hề "dĩ nhiên" như sau này. Đến kì đại hội chi bộ tiếp đó, bí thư đề nghị bầu năm ủy viên chấp hành (trái với thông lệ các khóa trước, và cả các khóa sau đó, chỉ bầu có ba). Và anh ta đã trúng cử thứ năm. Hầu như chỉ chờ có thế cuối năm anh ta xin chuyển công tác về quê. Đúng ra, anh ta chỉ dứt khoát xin chuyển sau khi thủ trưởng có ý kiến đề bạt anh ta nhưng không được trên chấp thuận.

Với cái vốn liếng chính trị vừa thu lượm được, anh ta hi vọng đạt được một chức cán bộ quản lí mà anh ta hằng ao ước tại nơi công tác mới. Buồn thay! Đến cái chức tổ trưởng rẽ rúng cũng đang có người tại vị rồi. Mà tổ trưởng đâu phải là cán bộ quản lí!

Bẵng đi gần hai năm, anh ta mới gửi thư thăm hỏi tôi. Anh ta báo tin vừa được làm thư kí công đoàn cơ sở. Tôi biết đó là một bộ phận nhỏ phụ vào một lâm trường có tầm cỡ, nơi vợ anh ta đang làm việc. Anh em trong cơ quan tôi đùa rằng đó là "thiếp báo hỉ" còm. Với cái láu lỉnh của một anh trí thức nửa vời lại lai ghép vào một đầu óc nông dân hành tiền, hẳn đang khai phá lối đi - tôi đoán.

Chừng sáu, bảy tháng sau, anh ta bỗng lù lù hiện ra trước cửa

nhà tôi. Anh ta cười rất tươi, nhưng cổ nói giọng trầm trầm:

- Tôi ra ngoài này họp hội nghị thư ký công đoàn các lâm trường trực thuộc bộ, ghé thăm các anh.

Vậy là anh ta phải đi vòng khá xa vì trái nẻo. Tôi lấy cái tật xấu thích đọc ý đồ người khác để chiêm nghiệm về con người. Tôi nghĩ ngay: Ấu cũng là một cú "vinh qui" về địa bàn công tác cũ. Anh ta rủ tôi đến thăm giám đốc. Tôi báo tin ông ta đã về hưu. Đang hào hứng anh ta xịu đi thấy rõ. Vì có gì nhỉ? Chẳng nhẽ đây chỉ tại cái nhìn thiên kiến khỉ khô của mình. Tôi thăm tự rửa. Từ ngày nghỉ việc, thăng hoặc được ai cấp dưới cũ đến thăm, vị cựu giám đốc tiếp nồng hậu hẳn lên. Khởi nói lần này... Anh bạn nguyên tổ trưởng đình đặc bắt tay chủ nhà, vắt vẻo ngồi trong ghế bành đối diện thủ trưởng cũ, ung dung nhấm nháp chén trà thơm, hồ hởi hỏi chuyện và kể chuyện với phong thái của người bằng vai. Thấy rõ anh ta mãn nguyện, song dường như còn thiếu cái gì đó để được mười phân vẹn mười.

Trên đường về, tôi cười vui bảo: - Đáng tiếc, cậu nhỉ! Giá ông ta còn tại chức thì hẳn cuộc gặp này khoái hơn, phải không?

Đang đi, anh ta chứng lại. Dưới ánh đèn cao áp, tôi đâm ân hận khi thấy mặt anh ta như méo đi. Anh ta vội vã chia tay tôi, hẹn sáng hôm sau sẽ đến mượn tài liệu lâm sinh cho vợ. Nhưng rồi anh ta đã lẳng lặng già từ thành phố và những người quen cũ.

* * *

Tộc, tộc, tộc,... Tiếng chim gõ kiến hôm nay nghe như tiếng mõ. Và trong lòng ngực chị, tim đập sao mà dội thế! Chị cảm thấy khó

thở. Rừng im gió và vắng tiếng chim hót. Thiếu gió và thiếu tiếng chim thì dù có tia nắng lọt xuống rừng vẫn mang vẻ gì bí hiểm. Chị ngược tìm bầu trời qua kẽ tàn cây. Thấp thoáng vài vệt xanh cẫm thạch trên nền mây xám. Những vệt ấy hầu như không xê dịch. Không gian lắng đọng mà lòng chị nôn nao. Cuộc họp cán bộ cốt cán mở rộng do giám đốc triệu tập vừa mới đây còn hằn trong tâm hồn chị. Chị đâu còn giữ mãi niềm tin trẻ thơ của một cô gái mang nhiều hoài bão nhìn cuộc đời: Một lâm trường cơ giới hoá và điện khí hoá, máy bay phun thuốc trừ sâu và giàn mưa nhân tạo, nhà máy chế biến lâm sản và thành phố miền rừng. Chị đã cố quen với lẽ thói: nghĩ thì giản đơn và tùy tiện mà làm thì rối rắm và trì trệ của những người điều hành. Nhưng chị không sao hiểu nổi cái chủ trương phá hẳn một khoảnh rừng để giao cho công nhân lâm trường và dân vùng ven trồng trọt. Không chỉ vì cây vàng tâm. Tin cây ở không khí "dân chủ cơ sở", chị đã mạnh dạn đứng lên bày tỏ ý kiến. Người ta giải thích cho chị nào là lâm nghiệp và nông nghiệp phải dựa vào nhau, nào là tháo gỡ khó khăn,.v.v...

Cái số đông đã thay nhau, chen nhau bảo ban, thuyết phục chị bằng đủ các thứ giọng. Chị tìm ánh mắt chồng. Chồng chị đã trang trọng đứng lên. Anh nói về cải thiện đời sống, về sự đa dạng của kế hoạch, về tính nhạy bén và tính chủ động sáng tạo, vân vân và vân vân. Không có lời nào trực tiếp phản bác chị. Ở nhà, anh cũng chưa lần nào thẳng thừng bác bỏ những gì chị đưa ra trái ý anh. Lần nào thì cuối cùng chị vẫn làm theo anh, kể cả khi chị đã bắt đầu cảm thấy trong con người chồng mình lộ diện một con người khác. Hôm trước đó, chồng chị ra đi từ chập tối về muộn. Không đi ngủ ngay như mọi lần, anh tới ngồi sát bên chị đang khâu vá, vẻ tươi tỉnh và cởi mở,

người thoảng hơi rượu. Anh hỏi công việc và tình hình ở rừng của chị. Đã lâu, anh mới lại hỏi han chị như thế khiến chị bối rối. Anh bỗng chuyển sang nói vui về những ước mơ bay bổng hồi trước của hai người, giọng như cười cợt cái ngây ngô của chính mình. Từ chuyện nọ xọ sang chuyện kia, như chẳng có dụng ý, anh nói tới chuyện ba tháng nữa thư ký liên hiệp công đoàn thành phố phải về hưu hơi sớm. Anh cười nhạt:

- Nếu những bê bối trong các vụ tuyển lao động xuất khẩu không toé loe thì đời nào lão chịu về. Cũng đã ních đầy túi rồi.

Anh trầm ngâm đi đi lại lại trong phòng, có cái gì đó vừa háo hức vừa băn khoăn. Chị chờ anh nói thêm, nhưng anh chưa vội lộ những điều mình đang nghĩ. Thì đó, phó bí thư thành uỷ bây giờ nguyên là thư kí liên hiệp công đoàn; còn bí thư thành đoàn thanh niên cách đây hai khoá nay đã lên chủ tịch thành phố.

Lên giường nằm cạnh vợ, anh nghịch chị khiến chị phải oằn người nép vào anh, một phản ứng rất con gái mà từ lâu đã phôi pha đi. Anh xiết vòng tay hỏi nhẹ:

- Cây vàng tâm tốt gỗ đấy chứ em?

Chị chưa kịp hiểu thì anh đã thủ thỉ:

- Thư kí riêng của đồng chí bí thư thành uỷ tiết lộ là đồng chí ấy đang cần một cổ ván vàng tâm. Chắc là cho bà mẹ.

Chị xoay người né khỏi cánh tay chồng, nhìn thẳng vào anh hỏi lại:

- Chuyện ấy thì can gì đến mình?

Cô này thật vô tâm vô tính. - Anh phiền muộn và bức bối nghĩ -

Nhiều kẻ rùng của dễ dàng dâng hiến, cống nạp những vàng, những đô-la, nhưng đổ tầm nổi một cổ áo quan gỗ vàng tâm hảo hạng đúng lúc.

Trong ánh sáng mờ của cây đèn ngủ, chị chợt nhìn thấy cái nhếch mép rất lạ của chồng. Chị nói như tự nhủ:

- Cây vàng tâm đang có dấu hiệu ra hoa.

- Ồi! - Chồng chị nén bực mình, chị cũng cảm nhận được- Có ai quan tâm gây lại cái giống vàng tâm. Vớ được cây nào sót lại phải nhanh tay mà chớp lấy, ai dại!

- Anh chẳng đã khuyến khích dự định của em đấy thôi.

- Cái thời ấu trĩ ấy thì nói làm gì. Cuộc sống mở mắt cho anh rồi. Bây giờ người ta trồng bạch đàn chứ không trồng lim, nói chi vàng tâm. Bạch đàn, sau dăm năm đã xài được, lim ít ra vài ba chục năm. Trồng lim tuy vậy vẫn không bông lông như cái việc nghiên cứu. Đắm đầu vào khoa học kĩ thuật thì chỉ thấy then với thấy chốt.

- Nhưng chẳng lẽ những hoài bão...

- Thôi! Ngủ đi!

Anh ta đuổi thẳng người và thở đều đều ngay. Chồng chị ngủ thật hay vờ chẳng rõ, riêng chị thì còn thao thức lâu. Chị nghĩ lung tung lắm chuyện song lại không dè được lúc này...

Giám đốc nhẹ nhàng lái hội nghị đi đến một nghị quyết viết sẵn. Chị cố nèo một ý kiến:

- Tôi đề nghị chưa thực hiện nghị quyết này vì vấn đề đặt ra nằm ngoài qui hoạch của lâm trường. Đoàn kiểm tra của bộ cũng sắp về.

Lần đầu tiên trong đời, chị đã dám có ý kiến riêng. Hơn nữa, ý

kiến ấy lại ngược với ý kiến lãnh đạo, ngược với số đông. Trước kia chỉ mới mừng tượng mình lâm vào cảnh này, tim chị đã đập thành thịch rồi. Ai nói ở đâu nhỉ? Con người lúc nào cũng sợ thì chẳng thể làm chủ ngay bản thân mình, nói chi đến dân chủ với tự do! Tự do, trước hết là không phải sợ.

Có tiếng từ hàng ghế đầu:

- Quyền tự chủ kinh doanh của cơ sở để đâu?

Một tiếng khác để thêm:

- Làm chủ tập thể chứ không phải cá nhân làm chủ.

Chị nghĩ thầm: toàn lợi dụng mĩ từ! Nói "tập thể", nói "nhân dân" mà chẳng phải tôi, chẳng phải anh, chẳng phải ai cụ thể trong đám quần chúng cả thì chỉ suông thôi. Chị nói dứt khoát:

- Tôi xin được bảo lưu ý kiến.

Giờ đây đứng tựa vào gốc cây chị cảm thấy rõ ý kiến mình mới mong manh làm sao, thể của mình mới chông chênh làm sao! Chị bỗng thấy thốn thức nơi bụng dưới. Chị đặt nhẹ tay vào đó. Chị cảm thấy một mầm sống đang khẽ cựa, một mầm sống mà chị hằng thấp thỏm và dồn tinh chất của mình vào. Chị quên hết mọi nhọc nhằn, tinh thần và thể xác, chìm trong niềm vui và nỗi lo sắp lại được làm mẹ. Tuy không còn là niềm vui và nỗi lo lần trước, khờ khạo mà trắng trong.

Chị có nghĩ đến chẳng: Lần này đứa con được hoài thai khi hoài bão của cha và mẹ nó đã rất khác biệt nhau, nếu cứ coi những mưu tính của người chồng là hoài bão.

* * *

Tộc, tộc, tộc, ... tiếng gõ kiến khẩn cấp. Chị ngừng công việc quay nhìn. Khu rừng như giãn co cho chị nhìn thấy chỗ búi rừng có cây vàng tâm. Phía đó đang có gió xoáy và hình như có cả chớp giạt. Chị sửng sờ muốn chạy tới mà không sao chạy được, muốn kêu lên mà không sao kêu được. Tiếng gõ cứ giục. Cây vàng tâm bỗng bật rễ, lung lay mạnh muốn rời mặt đất. Tiếng gõ càng thôi thúc. Chị vùng mạnh một cái và thấy mình đang nằm trên giường. Kề bên, anh chồng đang bình thản ngáy. Chị nghe rõ tiếng vó ngựa khua trên đường lát đá ngoài kia. Trong nhà nhập nhoạng một thứ ánh sáng hồng hồng len vào qua các khe hở. Chị thở sâu mấy cái cho dịu bớt nhịp tim và ngồi dậy lay chồng. Anh ta ngáp một cái rồi dài, dụi mắt: - Cái gì thế? Anh ta hồ hững hỏi. Chị mở cửa ra ngoài và nhìn thấy ngay đám cháy rừng, chỉ kịp nói vọng vào nhà hai tiếng gọn lỏn, chị vội chạy đi. Vừa chạy, chị tự vừa hỏi không biết ngựa chạy đi cấp báo hay xe ngựa chở đồ cứu hoả. Lâm trường có hai xe chữa cháy thì đều nằm liệt cả hai. Vả chăng, nếu không liệt thì cũng khó có đường vào được nơi đang cháy. Đúng như dự cảm của chị, cháy đúng khoảnh rừng chị phụ trách. Chị gò sức để chạy cho mau, song bước chân cứ chuệch choạc dần. Chồng chị đuổi kịp và chạy vượt lên, quát lại một câu mà chị không nghe rõ. Đã nhìn rõ khói trắng, khói đen. Đã nghe tiếng lửa. Đã nghe tiếng lửa reo phù phù. Đã cảm nhận hơi nóng hừng hực. Chị vẫn chạy tới, miệng há ra, trống tai đánh lũng bùng. Trước mắt chị hoa lên những lưỡi lửa đang liếm các cành lá, đang tấp vào thân cây, và nhón nháo những bóng người đang chạy đi chạy lại. Chị bỗng ôm bụng lão đảo rồi khụy xuống, đổ

ngiêng người trên bờ cỏ ướt sương đêm.

* * *

Nom qua, khoảng rừng có vẻ bị hại nặng. Thực ra, chỉ bị cháy lem nhem, rải ra nhiều nơi, chẳng ai có thể ngờ đến một vụ sắp đặt. Các cây gỗ có giá trị ít bị lửa chạm tới, hoặc giả có bị thì cũng chỉ qua loa. Qua báo cáo của giám đốc lâm trường gửi tới những nơi cần thiết, người ta hình dung ra cái chết không may của một khoảnh rừng do sự bất cẩn của số kẻ nào đó ngoài lâm trường lén vào hun các tổ ong mật, ong lỗ, ong vò vẽ sao đó. Công quỹ sẽ phải chi ra một khoản kha khá để trả công dọn. Báo cáo không nói tới những cây gỗ, nhưng phương án giải quyết nội bộ thì đã có từ trước rồi. Có người đã đề xuất rất chí lí rằng phải năng động biểu những ai đó, những cấp nào đó, đừng để thụ động tiếp các vị đến hôi của, nhất là đừng để bị quở. Nhưng cũng chớ không dừng lại khoe mẽ với mèo. Trong nội bộ, thu hẹp nên gọn thôi. Thứ dành cho nhu cầu riêng mỗi người, thứ liên hệ với "nhà thầu" khai thác gỗ, cái lưu tâm hàng đầu là làm sao cho nhem. Giời xui, đất khiến thế nào mà những gì mỗi vị đã chắm sẵn ít trùng nhau. Có trùng sơ sơ thì thương thảo cũng chóng vánh. Tiền "quả thực" thì phân theo vị thế. Sau này có ai ảm ức không thì chưa thể biết, hiện tại đang "đều vui vẻ cả". Vả chăng, trong "hoạn nạn chung của lâm trường" cần phải "tăng cường đoàn kết nội bộ".

Chị không được biết tất cả những chuyện đó. Người ta nhặt được chị và đưa đến bệnh xá ngay. Vừa tỉnh lại chị đã hỏi về đám cháy. Chồng chị cho chị biết là mọi chuyện đều đã ổn. Mắt chị sáng

lên trên bộ mặt xanh mướt, và môi chị phảng phất một nụ cười yếu ớt. Gần sáng, chị đau bụng dữ dội, và cái thai đã rời bỏ cái bọc ôm ấp nó thoát ra ngoài. Có lúc trong mê, chị thấy con gõ kiến chui từ người chị ra chồm vờn phía trước, và trong người chị trở nên rỗng không.

Chồng chị đều đặn vào bệnh xá thăm nom chị. Anh ta cũng đều đặn thăm nom cây vàng tâm để trù liệu cách hạ nó cho êm mọi nhẽ.

Hôm nay, chị có ý ngóng chồng. Chồng chị đang ở trong rừng với đội trưởng đội ba như ta đã thấy đầu truyện. Rồi anh ta cũng đến. Anh ngồi cạnh giường chị, cúi bộ mặt hồng hào và thỏa mãn xuống vợ. Chị thều thào hỏi:

- Cây vàng tâm ra sao?

- Không bị sém đến một nhánh con. Ày! Thế mới tài. - Anh ta cao giọng, quên mất là đang ở buồng những người bệnh.

- Nó còn về đấy nữa không? - Chị gượng hỏi thêm.

- Ai kia? - Người chồng thực sự ngạc nhiên.

- Con gõ kiến ấy.

- Vãn. à... mà hình như nó đã bỏ đi đâu mất rồi ấy. Nó phải hoảng chứ em.

Nó có hoảng không nhỉ? Chị mơ màng nghĩ.

* * *

Tôi đã nhìn thấy con chim ấy. Con gõ kiến nhồi trấu sáy khô vẫn bám chặt vào mảnh vỏ cây đính cao trên bức tường phòng khách lâm trường ở chỗ trang trọng nhất. Ngày ngày nó vẫn lé một bên mắt

ngó xuống các hình người ngồi chễm chệ trong những chiếc ghế bành có đệm bọc nỉ sang trọng. Cứ ngỡ đến một lúc nào đó, nó sẽ lại quay về với công việc của nó và..."tộc, tộc, tộc,...".

Tiếng gõ của máy giúp ích hay phá hoại? Hay đơn giản chỉ là tiếng gọi tình, hả chim?

Hải Phòng, 4 - 1997

sửa 5 - 2003

Khải Nguyên HT

Chuyện ông thiện, ông ác

Xưa, làng có một ngôi chùa nhỏ trên một ngọn đồi thấp. Từ lâu, chùa vắng người tu. Ông tự được cử ra trông coi, những năm đói kém phiêu bạt đi đâu mất. Chùa dần trở nên cũ nát. Làng nghèo không có tiền tu bổ. Lâu ngày chùa đổ, chỉ còn trơ lại hai mẫu tường ở hai cánh, chỗ dựa của hai ông hộ pháp. Hai ông đều cao to, cao to hơn người thật nhiều, ít ra là trong mắt bọn trẻ con. Một ông mặt đỏ, dữ dằn, mắt tròng mày xé, tay xách một thanh đại đao, nom rất giống Quan Vũ, mà dân “mê” gọi là Quan Công, trong tranh Tàu. Đó là ông Ác. Ông kia mặt hồng, nom hiền hoà, tuy vẫn có vẻ uy nghiêm. Tay phải ông ta giơ lên một vật tròn tròn kẹp giữa đầu ngón tay trái và đầu ngón tay trở. Người ta bảo đấy là hòn ngọc, còn đám trẻ con thì thích đấy là viên kẹo hơn. Đó là ông Thiện.

Bọn trẻ thường ra chơi ở bãi cỏ trước ngôi chùa đổ. Chúng đánh khăng, đánh quay, kéo co, đánh vật,... Lạ một điều là chúng chỉ chơi trên vật cỏ phía ông Thiện. Với ông Ác, thoảng hoặc chúng có nhìn thì cũng chỉ đứng xa xa mà ngó. Với ông Thiện thì thậm chí có đứa

khi chơi trốn tìm còn dám đến nấp bên ông.

Một hôm, một đứa trong bọn bị mất trâu. Nó đến trước ông Thiện nói: "Ông ơi! Ông tìm giúp trâu cho cháu". Rồi nó ngoảnh sang ông Ác kêu lên : "Ông thù tôi, ông cho trộm bắt trâu tôi, phải không?". Hôm trước, nó đánh con khăng va vào mặt ông Ác. Tội bạn nó đã cảnh cáo nó: "Mày động đến ông Ác, mày chết!". Ngay chiều hôm ấy thằng bé tìm thấy trâu; trâu nó ăn lúa bị người ta giữ. Nó đến cảm ơn ông Thiện rồi rít mà lờ đi chẳng có lời nào với ông Ác cả.

Đêm đến, ông Ác phàn nàn với ông Thiện (các ông chỉ trao lời với nhau ban đêm vào lúc các ông được nghỉ, lúc ấy chắc chắn không bị ai nghe lỏm):

-Thật là bất công! Ngay cả bọn trẻ cũng thành kiến với tôi. Ông được gọi là ông Thiện vì ông phụ tách việc thưởng người làm điều tốt. Còn tôi được giao việc răn đe và phạt bọn làm điều xấu thì bị gọi là ông Ác. Người đời không hiểu cứ nghĩ ông Ác thì chuyên làm việc Ác.

Ông Thiện an ủi bạn:

-Có lẽ tại bộ dạng ông oai nghiêm quá đấy thôi. Nói thật, bộ dạng chúng mình hơi kình cang, to tợn, chính tôi ban đầu cũng bị bọn trẻ xa lánh. Gần được chúng, công phu lắm đấy.

-Ông làm như thế nào?

-Đêm đêm tôi thường đến thăm chúng trong giấc ngủ của chúng, vỗ về chúng, hỏi han chúng, đưa chúng vào những giấc mơ đẹp. Dần dà, tôi gần gũi chúng trong linh cảm trẻ thơ.

-Đêm nay ông cho tôi đi cùng nhé.

Đêm đó, hai ông cùng đi. Khi trở về, ông Ác thở dài bảo ông Thiện:

-Lũ trẻ chỉ thấy có ông thôi, chẳng ngó ngang gì đến tôi cả.

-Thôi thế này! –Ông Thiện ngẫm nghĩ rồi nói- Đêm mai, ông đi một mình, coi như tôi bận hoặc tôi mệt, ông thay mặt tôi.

Đêm sau, ông Ác đi về buồn xịu, ông Thiện hỏi chẳng buồn thưa. Bạn gắng mãi, ông chán nản nói:

-Tôi đến gặp một thằng bé vừa mới nói được mỗi câu, nó đã lảng.

-Ông nói câu gì?

-Tôi hỏi: “Cháu có làm điều gì sai trái không?”

Trời ơi! –Ông Thiện lắc đầu. Ông lắc hơi mạnh làm bong một lớp vôi nơi cổ- Ông mắc bệnh nghề nghiệp rồi. Có phải ông đang đi truy việc ác để phạt đâu. Câu ấy mà mà nói với người lớn thì hoặc là họ rụt cổ lại, hoặc là họ trừng mắt lên với ông. Sao ông không hỏi:

“Cháu đã làm được những điều gì tốt?”. Mà chưa chắc nó đã nói ra đâu. Ông thật là...

-Hỏi vậy là việc của ông chứ. –Ông Ác cáu.

Ông Thiện định khuyên không nên cứng nhắc, ngay lúc làm phận sự phải giữ đúng phép tắc cũng phải hiểu lòng người, nhất là lòng con trẻ. Nhưng nhìn sang, ông thấy ông Ác đứng im lìm như... tượng, tỏ rõ cái ý chẳng muốn nghe nữa. Ông buồn rầu nghĩ: “Chắc chẳng phải anh đắp tượng tạo nên ông ta ra thế thì ông ta cứ là phải thế”.

Từ đấy hai ông hầu như không chuyện trò gì với nhau.

Sau Cách mạng tháng Tám, bọn trẻ mãi đi học, đi họp hành, ca hát. Tình cảnh hai ông hộ pháp của chúng ta thật buồn tênh.

Một bữa, có mấy đứa trẻ đi học ghé qua. Hai ông đã mừng. Ông

Ác dè dặt vui. Ông Thiện thì sượng rơn trong bụng, tuy mặt ông vẫn tỉnh bơ. Bọn trẻ đứng lơ lảo nhìn hai bức tượng, dáng vẻ không được từ tốn như trước đây. Một đứa nói:

-Hai cái lão này cứ đứng ỳ ra đây chẳng chịu đi học xóa mù gì cả. Phải truy chữ xem. –Nó lấy vở ra. Hai ông cứng cả người, ông Thiện còn cảm thấy lạnh hơn ông Ác. Đứa trẻ bước tới trước ông Ác chìa trang vở dí sát mặt ông, hỏi cộc lốc- Chữ này là chữ gì?

Ông Ác giận quá. Mặt ông sạm màu sương gió nên chẳng rõ là có tái đi hoặc đỏ tía lên không.. Chỉ biết ông ta vẫn nguyên mắt trừng, mày xếch, môi mím, không thềm trả lời. Thằng bé la lên:

-A! Lão này mù chữ mà chẳng chịu học. Vặt râu lão đi, chúng mày! Cả bọn hè nhau vặt trụi râu trên mặt ông Ác , rồi vội vàng đến trường.

Ông Thiện đứng im thít, đổ mồ hôi hột,-chẳng phải chỉ vì đêm qua sương xuống dày. May, chúng không đụng đến ông.

Bọn này thiên vị thật! Ông Ác nghĩ thầm. Ông gồng mình chịu nổi cay đắng cho đến hết ngày. Đêm xuống, ông lầu bầu bảo ông Thiện (sau bao nhiêu năm, ông mới trao lời với bạn):

-Tôi sẽ không đứng đây với ông nữa. Để ông một mình cho sượng.

Sáng hôm sau, tượng ông Ác chỉ còn là một đồng vụn dưới chân tường. cả đêm qua chẳng gió mưa, sấm chớp, động đất cũng không. Không một ai nghe tiếng đổ sập, kể cả ông Thiện đứng cạnh. Trên mảng tường còn dấu tích một hình người to tướng.

Ông Thiện còn đứng trơ một mình với nỗi buồn đơn côi cho đến

khi cả hai mẫu tượng biến mất lúc nào chẳng rõ.

Cách đây mấy năm, chùa đã được dựng lại, to đẹp hơn. Hai bức tượng ông Thiện và ông Ác đắp nổi nom tươi tỉnh mà oai vệ. Hai ông cũng được người ta thắp hương và cúng mỗi khi có người đến lễ chùa, cả người già, cả người trẻ, rất nhiều người trẻ, gái và trai, điều rất hiếm hoi trước kia. Hiềm một nỗi là rất vắng bọn nhóc. Thiếu cái hơi nghịch ngợm của chúng chẳng biết nên vui hay nên buồn? Đêm đến, ắt hẳn hai ông hộ pháp chẳng có gì để trao lời với nhau.

Ngày nọ, một trong những đứa trẻ ngày xưa trở về thăm quê. Đứa bé ấy, nay đã là ông, đứng trước ngôi chùa mới, cố hình dung một cách vô vọng bãi cỏ ngày cũ, bãi cỏ mà mấy chục năm qua ở nơi xa hẽ nhắm mắt lại nghĩ về quê hương là ông lại thấy hiện hiện cùng hai bức tượng dãi dầu từng chứng kiến những trò vui, những trò nghịch của bọn nhỏ.

Ông ta khấu đầu lễ Phật. Và cũng với vẻ thành kính vô cảm như khi đứng trước Phật đài, ông ta cắm mấy nén hương dưới chân hai ông hộ pháp.

Ông Thiện và ông Ác đắm mình trong khói nhang và tiếng cầu khẩn đã bao lâu chắc là không còn nhạy cảm như thuở phong trần. Chẳng biết hai ông có nhận ra thằng bé đầu râu trò vật râu ngày trước!

Khải Nguyên HT

Ghi dưới bầu trời viễn xứ

-- 1 --

Dăng dặc Hành trình

Vé nước bạn mua cho các chuyên gia gửi sang đã khá lâu rồi mà mãi không đăng kí chỗ máy bay được. Từ Việt Nam đi Pháp chỉ có tuyến bay của Hãng Hàng không Pháp (Air France) mỗi tuần ba chuyến, thành phố Hồ Chí Minh-Pari. Hồi ấy lại đang rộ lên người Việt Nam di tản hợp pháp. Hãng này có ý ưu tiên cho họ, cho nên bất chấp yêu cầu của một nước thuộc dòng Pháp ngữ lại nằm trong vùng ảnh hưởng của đồng phơ-răng Pháp, mỗi chuyến chỉ “xì” cho ba, bốn chỗ. Khi bọn y đến lượt thì đã là đầu tháng Mười hai (1988).

Từ Hà nội ra đi lúc ba giờ mười lăm để kịp sáu giờ rưỡi máy bay cất cánh bởi thủ tục ở các ga bay của ta thời đó rất “nổi tiếng” về sự phiền hà. Xe xuyên qua thành phố vắng lặng đang giấc say. Trời mờ sao, chưa thấy ngôi nào có thể đoán được là Sao Mai. Y nhìn phớt xá, cảnh vật lướt qua, đầu óc mơ không nghĩ ra điều gì rõ rệt. Không ra một người sắp rời nhà, rời nước dài lâu. Bốn giờ

hơn đến Nội Bài, chiếc xe đầu tiên. Song chỉ lát sau đã đủ kiểu xe chờ người đến. Người đi và người tiễn. Y yên trí mình với mỗi mình, các người thân đều đang ở xa. Y cũng không muốn “làm ồn”. Một chuyến đi nhiều người mong, nhưng phiền toái, nhọc nhằn và thật ra chẳng nhiều vinh hạnh như người ta nghĩ. Năm giờ, y đang chuẩn bị vào làm thủ tục thì nghe gọi. Vậy ra vẫn có người biết, tìm đến tiễn.

Chưa có đường bay Hà Nội-Pari, hãng máy bay Pháp gửi số hành khách của mình “quá giang” vào Tân Sơn Nhất với giá 170 USD, trong khi giá vé chính thức tuyến này chỉ khoảng 30 USD. Thế nhưng mấy vị khách “kí gửi” chẳng được một chút ưu tiên nào.

Mãi hơn tám giờ, chiếc IL18 mới cất cánh. Trời đầy mây. Đôi lúc, nhìn xuống được mặt đất thấy lở lói nhiều. Đất Việt Nam vẫn còn “bị thương”, không vì chiến tranh nữa. Một phần vì thiên tai; phần lớn hơn vì con người, hoặc do lòng tham, hoặc do sự thờ ơ, hoặc do đốt nát, hay do cả mấy thứ đó hợp lại.

Vào đến Tân Sơn Nhất, bọn y được ăn trưa và nghỉ ngơi trong ga để chờ chuyển sang máy bay của hãng Pháp. “Được đi Boeing của Air France một chuyến rồi có chết cũng sướng”, hôm trước, ở Hà Nội, một cán bộ ngoại vụ thường đi nước ngoài “như đi chợ” bảo y vậy. Cho tới lúc đó, và mấy năm sau nữa, việc xuất ngoại rất hiếm, và đi các nước xã hội chủ nghĩa là chủ yếu. Quen với những IL, TU, đã mấy ai biết mùi Boeing, biết mùi dịch vụ trên các chuyến bay tư bản. Người ta trầm trồ, người ta khao nhau đến là lăm chuyen. Y chẳng phải thuộc lớp người dễ dàng “vi vu”, chẳng “ưu tiên”, chẳng

“chiều cổ”, vậy là gặp may. Sắp được biết rồi. Một giờ rưỡi chiều đi làm thủ tục vấp ngay một sự cố “thót tim”: trong danh sách chuyển hành khách không có tên mười vị chuyên gia! Do cung cách làm ăn của nhân viên người Việt trong hãng Pháp này. Điện đi điện lại hàng mấy tiếng đồng hồ mới thoát. Tưởng giờ giấc bay trong thế giới phương Tây hiện đại thì phải rất chi là chặt chẽ. Vậy mà chờ mãi mới thấy máy bay của hãng A.F. hạ cánh. Trễ hơn hai giờ đồng hồ. Trễ này kéo theo trễ khác. Gần tám giờ tối máy bay mới cất cánh được. Chiếc Boeing 747 lượn một vòng trên thành phố Hồ Chí Minh, mặt đất đầy “sao”, rồi lao vào đêm tối mênh mông. Với cơ cất cánh muộn, khi ghé các sân bay Băng-cốc, Đen-li, hành khách phải ngồi dí trong máy bay hàng mấy giờ đằng đẳng. Y tỉ mẩn quan sát xe cộ qua lại phía ngoài sân bay và nhận ra ở Thái Lan, ở Ấn Độ chiều thuận đường là bên trái. Y nhớ có lần, cũng đã lâu, đài phát thanh BBC đưa tin Chính phủ Ấn Độ đã ra quyết định đổi chiều thuận đường sang bên phải, kèm câu bình: “Như vậy là đến nay chỉ còn nước Anh vẫn duy trì chiều thuận đường về bên trái” (nước Anh vẫn nổi tiếng là bảo thủ). Vẫn biết các đài cũng dễ “cuội”, song không ngờ họ lại “nói như thật” một chuyện trái sự thật sờ sờ như vậy. Càng ngày càng biết thêm có nhiều xứ mà chiều thuận đường là bên trái. Ngồi thu mình trong chiếc ghế chật của hạng “tiết kiệm”, ngoảnh nhìn mãi những dòng xe cộ lấp loáng xa ngoài hàng rào sân bay, y có cái cảm tưởng như người bị giam chặt. Như là để tự giải toả, thỉnh thoảng y lại gọi giải khát. Trên máy bay của hãng A.F., có thể yêu cầu tiếp viên mang tới thức uống bất cứ lúc nào, bất cứ thứ gì họ đang có. Ngày ấy, chưa nói hãng hàng không Việt Nam, ngay trên máy bay của một hãng lớn như hãng hàng không LiênXô (Aeroflot), đồ uống cũng rất

hạn chế, mỗi bữa chỉ được cấp một lần, và chỉ một thứ, cho gì chịu vậy không được yêu cầu. Cửa đáng tội giá vé của hãng Liên Xô khá rẻ. Một lần y gặp một người Pháp làm việc tại Brazza lên đường về Pháp, không theo tuyến thẳng Brazza-Pari mà lại bay tuyến gấp khúc Brazza-Matxcova-Pari. Anh ta trả lời y: “Tôi ít tiền nên đi máy bay của hãng Aeroflot, tuy đường có xa hơn”.

Dằng dặc hành trình đêm, y chỉ có niềm khoái duy nhất những lúc phi cơ cất cánh, hạ cánh. Đầu óc y bốc theo tiếng xé gió bay lên. Lòng dạ xốn xang nhẹ thênh theo vòng lượn hạ dần độ cao đáp xuống. Máy bay cứ bay hoài trong đêm. Xung quanh người ta ngủ cả. Đã quá nửa đêm. Y hỏi tiếp viên: “Có thức uống gì nóng nóng không?”. “Ông dùng cà phê nhé!”. Cà phê nóng thật nhưng nhạt hoét, y nhận xét; “Cà phê Bra-xin mà ông còn chê ư?”. “Nếu cô đến Việt nam thử uống cà phê của chúng tôi thì sẽ cảm nhận được lời tôi vừa nói”. Thật ra, y chẳng phải là người sành cà phê. Y vẫn cúi nhìn mặt đất, hầu như không bỏ sót một đốm sáng nào trong đêm. Y hỏi tiếp viên: “Chúng ta đang bay qua đâu?”. Cô ta đi rồi quay lại với một người đàn ông: “Đây là sếp của tôi”. Người này nói: “Máy bay đang trên trời Ba Lan. Xa kia đang sáng đèn là Varsovie (Vac-sa-va)”. Tiếp viên luôn luôn túc trực, có mặt ngay đúng lúc khách cần đến. Họ không trẻ bằng tiếp viên của ta, không xinh như y chờ đợi, nhưng lịch sự, miễn cán, điều này thì tiếp viên ta không sẵn lắm, y nghĩ.

Khải Nguyên HT

Ghi dưới bầu trời viễn xứ

-- 2 --

Trôi trên sa mạc Xa-ha-ra

Sân bay Roat-xi 2 (C.D.G.2), 8 giờ sáng (13 giờ Việt Nam) mà còn tối đất. Cầu thang ống, rồi hành lang nhà ga khép kín cách li với bên ngoài, hành khách dầm trong khí lạnh thanh thoát như lọc ra từ mùa thu muộn Việt Nam lúc sắp chuyển mùa, cảm thấy nhẹ lâng lâng tưởng chừng có thể bay lên được. Ra xe buýt để chuyển qua sân bay Roat-xi 1 (C.D.G.1) mới thật sự sờ được cái lạnh ôn đới. Nhiệt độ 6 độ C, song chỉ hơi tê tê, không buốt giá. Y chỉ mặc bộ âu phục nhẹ và khoác một măng-tô-san mỏng dính. Nhiệt độ ấy, ở ta mà mặc vậy thì chết cóng. Trời tối mờ mờ. Không gian loãng, thời khắc mơ hồ. Xe đi trên đường vắng lặng. Có cái cảm giác khinh khoái trôi phiêu diêu trong đêm không cùng giữa bao la tạo vật đang say giấc lạnh. Phòng đợi của sân bay cao rộng, kính trong suốt bao quanh. Trời dần sáng. Phía bãi đậu, mấy con “khủng long” màu xám bạc chưa tỉnh giấc. Xa xa bên kia sân bay không thấy nhà cửa, chỉ thấy mặt đất tiêu sơ dưới trời Pari chớm đông với những đám cây trụi lá đen đúa điểm tuyết dăm cây họ thông xanh thẫm.

Máy bay chở bọn y là một chiếc DC10 . Khoang bụng rất rộng. Ba dãy ghế, hai dãy bên hàng hai, dãy giữa hàng bốn. Y đã bảo bà xếp chỗ cho y có thể nhìn xuống mặt đất, bà ta đã đồng ý và y đã nồng nhiệt cảm ơn. Khi lên máy bay thì hoá ra y ngồi vào dãy giữa. Chắc hẳn y nói ngu ngơ thế nào đó người kia nghe không thủng tưởng y muốn có một chỗ tốt để xem truyền hình. Nản quá! Y đến bên một cô gái da đen khá xinh ngồi cạnh cửa sổ mắt bò đề nghị đổi chỗ. Cô ta kiêu hãnh nói: “Tôi ngồi đây rất vừa ý”. May có một hàng ghế trống, tiếp viên thuận cho y đổi chỗ. Hú vía! Suýt nhỡ cơ hội ngàn năm có một để chiêm ngưỡng sa mạc Xa-ha-ra. Các chuyến bay ngược lại thường qua sa mạc này vào ban đêm.

Mười một giờ phi cơ cất cánh. Ngoại thành Pari lướt nhanh phía dưới. Cỗ tàu bay xuyên qua một tầng dày sương mù lênh loãng rồi vọt lên trên một biển mây, trông xuống trắng đặc một cái sân mênh mông rải đầy bông xốp, tưởng có thể chạy nhảy trên đó hoặc vui mình đánh một giấc. Xa kia, một con “cào cào” xám xám, đen đen đang “bò” trên sân bông – một chiếc máy bay loại nhỏ. Quang mây được một chốc. Phía dưới là làng mạc, thị trấn Pháp; các điểm dân cư rải ra rất thưa thớt trên một bình nguyên rộng, không như ở vùng châu thổ Việt Nam hay xứ Châu Á nào khác. Rất ít xe cộ chạy trên đường. Y thấy quạnh quẽ. Sẽ còn có dịp cho y so sánh, liên tưởng.

Dãy núi Pi-rê-nê, biên giới Pháp-Tây Ban Nha. Một “trường thành” đá nâu vọt lên trên những nếp núi xếp lớp lớp. Y chợt nhớ

tới bài thơ “Chiếc kèn tù và” (Le cor) của Rô-lăng, tự nhủ cái kèn của Rô-lăng nằm đâu đây. Cuộc rút lui thảm bại của một ông vua Pháp xâm lược nước láng giềng, mà sao những vần thơ của nhà thơ Pháp về những tiếng tù và tuyệt vọng lại có thể bất tử hoá được một hình tượng anh hùng cùng một tên đất, ngay cả với một người nước ngoài mới lớm bõm văn thơ Pháp! Đã có những hình tượng thơ ca nào ở nước ta tác động được vậy chưa nhỉ? Sau này, trong một lần trò chuyện với một bà xơ Pháp, nguyên giáo sư trung học, trên đất châu Phi xa xôi về chuyến bay vượt Pi-rê-nê này, y nói vui: “Tôi đã cố nhìn xem cái kèn tù và của Rô-lăng nằm đâu mà chẳng thấy”. Tất nhiên, y không nói theo nghĩa đen. Bà nữ tu Pháp cười: “Mắt ông ghé quá nhỉ! Từ trên độ cao ấy mà muốn nhìn ra cái kèn!”. Xem ra bà này cũng khá là giản đơn.

Một thành phố trải rộng sát mép biển. Bac-xê-lô-na. Như bất cứ người háo chuyện bóng đá nào, y thuộc tên cái thành phố Tây Ban Nha này. Y thả hồn mình xuống đáy nhưng chẳng hình dung được gì. Hai chiếc tàu thuỷ đang hướng tới nom tựa như hai chiếc lá tre nằm yên. Địa Trung Hải là đây. Có một lúc y nghĩ sao mặt biển nom như nổi vầng bản mặt với những nốt trắng di động và tụ tán chậm. Nhưng rồi y nhìn thấy một đám mây bay phía dưới cái màng ấy, tiếp đó nhiều đám mây lướt nhẹ phía trên. Y sực nghĩ ra: có lẽ đó là chỗ tiếp giáp giữa hai lớp không khí. Sâu tít dưới kia mới là mặt biển.

Mây đậm dần che khuất tầm nhìn xuống. Chỉ còn trên mây, dưới trời. Qua bờ biển Bắc Phi lúc nào chẳng rõ.

Mây thưa dần, lộ ra mặt đất giống một cái bãi rộng miên man dùng để phơi gạch ngói mộc, phẳng phất màu gan gà, một miền đất khốn khó của sự sống. Hẳn là địa phận An-giê-ri. Chỉ mấy chục phút trước đó nhìn xuống đồng quê Pháp hiếm hoi cụm dân cư đã nghĩ là hoang vắng, song vẫn thấy gần gũi với con người, có bị thả xuống đó cũng có thể yên tâm bước đi, yên tâm sống. Tới đây, cảm thấy con người thật là bé nhỏ, thiên nhiên đe dọa, thù nghịch. Phía dưới đã vào sâu Xa-ha-ra. Mây đã lặn đi đâu hết. Nói “trời không gợn mây” chẳng diễn tả được gì nhiều ở đây. Một sự trống trơ vĩ đại, bất động và bất biến. Phi cơ như nhích từng tí một trong bầu “hoang vắng bao la”. Mặt đất một màu nâu xám ngự trị, những dòng “sông” cạn, những “dòng” đất lồi uốn dài, điểm những đốm xanh có lẽ là những ốc đảo. Hai đường vạch thẳng tắp-chắc là đường ô tô, chéo nhau chạy xa tít mắt hút phía chân trời. Chẳng cụm dân cư nào, chẳng thảm thực vật nào ven đường, trừ hai chỗ: một như là đồn lũy; chỗ khác có cái gì đó đang cháy, từ trên cao mười ki-lô-mét nhìn thấy ngọn lửa giữa ban ngày. Y đoán là lửa đốt khí thừa tại một trạm khoan dầu.

Trời vẫn không một vụn mây. Sa mạc chuyển sang màu đỏ nâu. Nhìn khơi xa thấy mù mù sương khói như là bụi lãng đãng từ mặt đất dâng lên, chẳng rõ chân trời. Mặt đất lúc này hiện ra trơ cứng, xỉn màu, dàn ra bất tận. Rồi tiếp nối là những đụn cát vàng nhấp nhô kéo dài như những “luống” hạt kê phơi trên nền sân cứng, một cái sân khổng lồ gồ ghề, bất trắc. Không một bóng cây. Không một vật di động trên mặt đất. Chẳng hiểu những cuộc đua xe Pari-Đaka diễn ra thế nào trên cái xứ sở này! Y nhớ hồi nhỏ đã đọc trong

một cuốn sách Pháp, chuyện hai thanh niên liều vượt Xa-ha-ra trên một chiếc xe con. Vào sa mạc, xe liệt máy, hai chàng bỏ xe cuốc bộ tìm đường thoát. Một máy bay được phái đi tìm. Từ trên cao, người ta nhìn thấy hai vật đen đen im lìm trên cát bỏng cách nhau hàng mấy ki-lô-mét. Đó là hai chàng phiêu lưu; sự sống đã rời bỏ họ đến chín mươi phần trăm. Ngồi trong khoang máy bay mát lạnh nhìn xuống cái hoang mạc trần trụi ngập nắng mà nghĩ tới cái chết ngắc ngoải với cơn khát vò xé, y rùng mình. Nếu thực sự đặt chân lên đó, chắc chết khiếp trước khi chết khát.

Dưới cánh máy bay hiện ra những vật núi đen trên nền xám, đã ngỡ là phủ cây xanh. Những dãy núi kéo dài, những khối núi khổng lồ trơ trụi, khô khốc, sạm màu hoặc bạc màu. Có mấy ngọn nhô cao tưởng chừng từ khoang bay với tay vịn vài giây là rụng tới. Không gọi lên những kim tự tháp Ai-Cập; không gọi lên những dãy núi “trường thành”. Một công xưởng đắp núi nặn sông, ông Trời đỡ tay rồi ngủ quên, hoặc một bãi thải chưa có xứ nào thiếu núi chịu mua về “tân trang” (như xứ mình hồi còn “đổi” xe máy).

Dần dần, vài mẩu mây mỏng rải ra loáng thoáng. Rồi mây hiện ra những đám nhỏ và dày lên. Đến một lúc, mây khít lại, những khối trắng gọn kề nhau, trông xuống thấy tựa như mặt ruộng đất sét trắng mênh mông bị hạn lâu ngày nứt toác thành từng mảng. Đến mây-đám hơi nước, cũng đượm màu sa mạc!

Thực vật rụt rè xuất hiện. Chưa nhìn thấy bóng dáng sông suối. Dấu hiệu sự sống rõ lên, lác đác rừng cây. Hai lần y nhìn thấy đám

quần thể như là động vật, có những di chuyển bất ngờ trong đám. Nhưng những con gì mà to lớn vậy? Trên cao cả chục cây số còn nom thấy! Voi chăng? Khó lòng! Dùng ống nhòm có độ phóng đại lớn thì may ra.

Những thị tứ nhỏ nhoi hiện ra thưa thớt, không nhìn thấy xóm làng.

Những đám đô thị nhiều lên cùng với các mảng thực vật.

Chiếc DC10 lượn vòng, hạ cánh xuống sân bay Lô-mê sau gần sáu giờ bay. Mười hành khách ghé xuống thăm ga. Nóng kinh khủng, mà Thủ đô Tô-gô lại nằm ngay bờ Đại-tây-dương. Dầu không loại trừ tác động tương phản do vừa từ nơi có máy điều hoà nhiệt độ đi ra thì cũng không nên quên rằng ở đây còn chịu ảnh hưởng khí hậu cận Xa-ha-ra. Lần đầu tiên trong đời, y đặt chân lên đất châu Phi, đi lại giữa những người châu Phi, thở hít không khí châu Phi và gián tiếp nếm mùi... “hơi thở Xa-ha-ra”. Sáu giờ trước đó, còn dầm mình trong khí lạnh Châu Âu!

Khải Nguyên HT

Giấc mơ bộ ngựa

Buổi tối, cha và mẹ đi dự một cuộc họp mặt long trọng để Bé ở nhà một mình ; cửa ngoài và cổng sắt khoá kĩ. Mỗi khi như vậy, Bé ngồi trong phòng riêng chỉ biết làm bạn với lũ đồ chơi các loại, trò chơi điện tử và phim vi-đê-ô. Bé khoái nhất là những trò đánh đấm. Gần đây, cha đưa về cho Bé món trò chơi ảo. Ngồi một chỗ trước máy vi tính mà tha hồ phiêu lưu, kể cả làm người hùng. Bé vừa làm một chuyến như thế trở về. Khoái thì khoái thật song, như khi ăn quá no, bải hoải cả người. Ngoài kia trăng tỏ, cả một vườn cây chơi vơi trong ánh trăng. Bé muốn ra đấy quá chừng.

Bé đang thiu thiu chợp nghe : “Chào cậu!”. Bé ngơ ngác nhìn quanh. Trên nóc máy vi tính có con gì đang ngọ nguậy. “Tôi đây mà. Cậu quên rồi ư?”. À, con bộ ngựa. “Ở đây bí quá chẳng hơn cái hộp cậu dành cho tôi”.

x x x

Bé vừa mở túi quà cha trao đã kêu lên kinh ngạc pha chút sợ hãi.

Một chú bộ ngựa chui ra giương đôi mắt như hai hột bi tí hon nhìn ngơ ngác. Cha của Bé không biết con bộ này bám theo mình như thế nào. Cha vừa đi nước ngoài về, một xứ xa tí mù tắp phải ngồi hai lần máy bay mới tới. Cha nhớ lại hôm trở về đang trên cao cả chục ki-lô-mét mãi dò nhìn biển xa xanh phía dưới qua những kẽ hở của tầng mây trắng chợt thấy một con bộ ngựa đậu mé trên ô cửa kính tàu bay. Một con bộ ngựa rất khác thường chẳng biết ở đâu tòi ra. Cha bắt lên xem bị nó cắn cho một phát toé máu ngón tay. Cha nghĩ bụng : Khỏe gớm! Thuở nhỏ mình bị bộ ngựa ở nhà cắn chỉ hơi đau tí ti thôi. Cha thả nó ra rồi quên luôn. Hẳn đúng là con này? Bé có cảm tình với bộ ngựa từ ngày mẹ đọc truyện “Võ sĩ bộ ngựa” để ru Bé ngủ. Ngày ấy chưa lâu, Bé hay vòì mẹ khi đi ngủ và mẹ còn quí truyện văn học cho thiếu nhi. Bây giờ mẹ chẳng muốn Bé mất thì giờ vào việc đọc truyện sợ ảnh hưởng đến việc học ; mà Bé cũng không thích đọc truyện nữa. Nhưng con bộ ngựa-võ sĩ lại là chuyện khác. Thêm nữa, các đồ chơi, dù là tự động, dù là điều khiển từ xa, cũng chỉ là vật vô tri ; các trò điện tử dù là “siêu cực” cũng chỉ nhoáng nhoàng trên màn hình ; cả món trò chơi ảo nữa khi ra khỏi biết ngay là giả. Con bộ ngựa thì khác, nó là vật sống, nó là võ sĩ trong thế giới của nó. Nó đến từ cây cối xanh tươi và đất trời thoáng đãng. Con này nom lạ hoắc. Nó là bộ ngựa ngoại, bộ ngựa Tây,-gọi vậy để phân biệt với bộ ngựa ta tức bộ ngựa “nội”, theo cách người mình bây giờ gọi bất cứ người nước ngoài nào cũng là Tây. Nó lại đã từng ở cao trên chín tầng mây. Ờ, phải rồi ! biết đâu...

Bé làm một cái “nhà” sang trọng cho con bộ ngựa bằng một hộp bìa cứng có một mặt bên lắp kính trong suốt. Nó ăn gì nhỉ ? Hãy cứ

cho vào hộp một chén nhỏ nước đường đã. Nước thì dút khoát cần rồi. Đường thì nuôi sống được, chắc thế, và chẳng riêng con người mới thích. Những con vật làm xiếc chẳng vẫn được thưởng đường là gì ! Cứ vậy đã. Chưa biết sẽ chơi với nó ra sao ; với lại nó đang có dáng lữ khử, hẳn là đường xa vất vả, mệt.

X X X

Làm sao nó ra đây được nhỉ? Ờ, có khi nó đúng là sinh vật từ ngoài trái đất sa vào trong cái máy bay cha Bé đã đi , hoặc là... Ờ, một siêu-bọ-ngựa, có thể lắm chứ ! Con bọ ngựa bỗng bay vù lên về phía cửa sổ để mở tháp thoáng hình cô mặt trăng đang nhòm qua song.

-Giá mình được như con bọ ngựa kia ! –Bé ước.

-Cầu được, ước thấy. –Bé nghe văng vẳng lời phán.

Bé bỗng cảm thấy người nhẹ tênh. Trong gương trên cánh cửa tủ, một con bọ ngựa đang ngự trên chiếc ghế Bé vẫn ngồi. Con này vóc dáng giống con vừa bay đi, chỉ khác ở bộ cánh màu lơ, màu của chiếc áo cậu mặc tối nay.

Bé-bọ ngựa chỉ bật mình một cái và đập cánh đã bay lên được bèn qua cửa sổ thoát ra ngoài. Chú đậu lên giàn thiên lí nghỉ lấy hơi. Ánh trăng rười rượi, gió se se, không khí thoảng thơm, người nhẹ lâng, đầu óc nhẹ lâng, khoái quá chừng! Chú có ý tìm con bọ ngựa Tây , à, con siêu-bọ-ngựa.. Chợt thấy mấy con bọ ngựa ta nối nhau bay tới một góc giàn. Tò mò, chú nhẹ nhàng lần tới. Thì ra con bọ ngựa lạ đang ở đấy. Chẳng biết do đâu, nhờ đánh hơi hay nhờ linh

tính giống loài, mấy con bộ nội biết mà tìm đến. A ha ! Sắp có cuộc đụng độ nầy lửa đây! Ta đứng vào phe nào nhỉ? Khó đây! À, bên nào yếu thế thì ta giúp. Có vậy mới là cứu khốn phò nguy chứ. Dưng mà bên đông, bên một mình, thế trận đã rõ. Có điều bên ít lại là siêu... Để coi. Mấy con bộ ngựa ta tụ tập trước con bộ ngựa lạ công nhiên nhìn soi mói, công khai bình phẩm, y như bọn rồi hơi kháo nhau về một kẻ vắng mặt. Bọn này nom có vẻ già giặn, điệu bộ khụng khiêng, ăn nói kiêu “cha chú” :

-Vật gì tựa tựa giống bộ ngựa chúng ta ấy nhỉ? Ngó bộ mới choai choai mà đã lêu nghêu.

-Đéch phải. Họ hàng bộ ngựa đâu có lạc loài một đứa cổ dài ngoẵng quá quắt thế, lại chẳng ngoạo tí nào. Không ngoạo cổ thì chẳng có thớ bộ ngựa.

-Đúng rồi! Bọn ta có ai dài xọc vậy đâu, dài gần gấp rưỡi bọn ta. Cổ mảnh quá ; cái bụng hơi thon. Bộ ngựa chính tông thì cái bụng phải bự và bè ra chứ. Thằng này nếu cũng là bộ ngựa thì chắc hẳn thuộc nòi chẳng ra gì.

-Coi kìa! Mới nứt mắt vậy mà đã diêm dúa. Cánh ngoài màu nâu mép xanh. Thân màu nâu nhạt. Chú út của chúng ta toàn thân một màu xanh non nom rất nhã và khiêm tốn, có đầu lố bịch thế kia !

Chợt lại có ba con bộ ngựa ta bay đến. Bọn này có vẻ non tơ. Một con vừa đậu xuống đã lúng liếng đôi mắt tròn, ngạc nhiên :

-Chu cha! Ở đâu ra một chàng đẹp mã dữ vậy?

Cô nàng,- qua câu nói vừa thốt ra đoán được là thuộc phái giống cái- cô nàng định tiến lại gần nhưng bị con bên cạnh giơ cànghì lại. Con thứ ba cũng không giấu giọng thán phục :

-Kiếm đâu ra bộ cánh ấy nhỉ? –Nó gật gật cái cổ vẹo ra ý chào-

Ngài từ đâu tới?

Siêu-bộ-ngựa giờ một càng chĩa lên cao.

-Từ... từ trên trời á ? –Con vừa hồi lấp bắp.

Như có một làn gió lạnh thoảng qua đám bộ ngựa nội.

-Thảo nào mà khác hẳn chúng ta. Không chừng... –Ai đó e dè thốt lên.

Chợt một tiếng quát : -Chẳng ra cái thể thống bộ ngựa gì cả ! –Đó là con có cặp giò vạm vạp nhất và đôi kiếm răng cưa dài nhất đám, có lẽ là con bộ đầu đàn –Này, kẻ kia ! Lẻn vào vùng sinh sống của chúng ta định làm gì hả ?

-Xin đại ca đừng nóng. -Một bộ ta can- Để kẻ lạ biết đến xứ sở tươi đẹp của ta cũng là điều hay phải không ạ.

-Nhưng cái cổ của nó cứ thẳng đơ ra, chướng mắt lắm.

-Thì cũng phải để cho họ học dần.

-Được thôi ! Hoặc ngoạ cổ như chúng ta hoặc cuốn xéo. Cho năm phút để cân nhắc. Năm phút nữa bọn ta quay lại. Đi ! Bọn bay !

Cả bọn lục tục bay theo bộ đầu đàn, trừ con vừa lên tiếng can ngăn. Bấy giờ nó mới lại gần con bộ Tây đang còn chưa hiểu mô tê ra sao cả.

-Ngài đừng thất ý, chỉ là một sự hiểu nhầm thôi mà.

-Sao các vị lại bảo có vẹo cổ mới ra bộ ngựa?

-Chúng tôi vốn thuộc dòng giống anh hùng thượng võ. Nghe kể lại : Ngày xưa cụ tổ chúng tôi đi khắp nơi thách đấu võ ăn giải. Cụ cũng có thắng không ít. Một lần, cụ bị đối thủ đá trật khớp cổ, cái cổ vẹo đi không nắn lại được. Con cháu mới đặt ra lệ họ là bất kì ai trong họ, ở đâu, đi đâu, cũng phải nghênh cao đầu cho có tư thế song phải luôn luôn ngoạ cổ cho ra dòng giống cụ tổ. Lâu dần, ở xứ này nói đến bộ

ngựa là người ta nghĩ tới cái cổ ngoẹo.

-Vậy ư. Nhộn thật !

-Ngài thừa sức ngoẹo cổ. Dáng ngài mà ngoẹo cổ thì nom đáng hoàng phải biết.

-Tôi không làm vậy được đâu. Tôi vừa thử nhưng trái tự nhiên quá.

-Thế thì ngài nên tạm quá bộ rời đi. Chẳng nên chấp bọn họ.

-Tôi từ nơi xa xôi lạc tới đây ; khung cảnh lạ, cây cỏ lạ, bầu trời cũng lạ, biết đi đâu bây giờ!

Bé-bọ ngựa không nhin được quát lên từ chỗ đang nấu mình :

-Chẳng phải đi đâu cả. Đây là vườn nhà ta, ta chẳng đuổi chúng thì thôi, chứ...

Bỗng nghe ào ào, bọn bọ ngựa ban nãy nhất loạt đạp xuống bao quanh. Con đầu đàn háng giọng :

-Đứa nào vừa đòi đuổi chúng tao đấy?

Bọ ngựa-Bé nhảy ra :

-Tao đây. Không được cậy đông ! Có giỏi thì một chọi một.

-A! Một thằng cũng dài đuồn khó coi như thằng kia, cổ cũng chẳng vẹo nổi. Đồng bọn hử? Được ! -Bọ đầu đàn dẫn giọng, khinh thị- Cho mi biết tay này !

Hắn phóng tới phạt chéo một kiếm. Bọ ngựa-Bé né mình tránh, thuận đà húc một cái vào bụng đối phương. Hắn té ngựa nhưng kịp đá một cú vào bên đầu địch thủ. Bé-bọ ngựa điếng người, đầu và cổ ngật qua một bên. Chú than thầm : “Mình cũng thuộc họ-ngoẹo-cổ mất thôi”. Háng máu, chú dồn sức vào hai cẳng-kiếm-răng-cựa bổ xuống bọ- đầu-đàn vừa vùng dậy. Hắn vung hai kiếm của mình lên

đỡ. Nghe hai tiếng “bập” gần cùng một lúc. Hai võ sĩ cùng rút kiếm về nhưng những mấu răng cưa đã mắc cứng vào nhau không sao gỡ ra được. Cả hai cùng phì phò thở. Bọ-khuyên-can lên tiếng :

-Thôi ! Thử sức nhau như vậy là đủ rồi. Giảng hoà đi thôi.

-Hoà là hoà thế nào! -Bọ-đầu-đàn sẵn giọng, vẫn thờ dốc.

-Hoà, đâu có được! -Bọ-Bé lắc đầu quày quạy, hào hển nói.

Bọ-khuyên-can những chờ “sinh vật ngoài trái đất” giở trò lạ ra can thiệp nhưng siêu-bọ-ngựa cứ giương mắt nhìn, đầu thuôn ra như đang suy tính điều chi. Nó bèn sẽ sàng nói :

-Loài bọ ngựa chúng ta được tiếng là võ sĩ phải chuyên làm việc tốt, có đâu vì tức khí mà đấu đá nhau. Ngoạ cổ hay chẳng ngoạ cổ đều là bọ ngựa cả. Ngài khách lạ đây đến tìm hiểu xứ ta, đừng để ngài thất vọng.

“Ngài khách lạ” bỗng vụt bay lên, cánh chấp chới ánh trắng rồi mất hút. Chẳng nhẽ ngài... Đám bọ ngựa rồi ngậy ra nhìn nhau, cổ tự nhiên hết vẹo. Mãi rồi bọ-khuyên-can mới thốt lên :

-Ngài về trời ư.

Hai võ sĩ đang kẹt còng cổ vùng một cái, hai cặp kiếm đang mắc vào nhau bật ra, hai đứa cùng ngã lăn. Bọ-đầu-đàn bị văng mạnh hơn rơi xuống vũng nước phía dưới. Hấn lóp ngóp mãi không vào bờ được. Bé-bọ-ngựa quên ngay chuyện thù địch vừa rồi. (Cũng phải thôi, loài bọ ngựa có để bụng lâu chuyện gì bao giờ!). Chú dùng còng cặp một nhánh cây khô thả xuống vũng nước. Kẻ bị nạn loay hoay một lúc rồi bò lên được. Hấn mệt phờ ra nhưng cũng chấp còng xá kẻ cứu mình : “Đa tạ ông anh”. Bọ-khuyên-can bỗng có sáng kiến : “Hay là ta bầu huynh đây làm thủ lĩnh. Huynh có thể dẫn dắt bọn ta

theo chân ngài vừa nãy”. Bọ-đầu-đàn miễn cưỡng không phản đối.

Bé-bọngựa đâm ra khó nghĩ. Nào chú có biết siêu-bọ-ngựa từ đâu đến và bây giờ bay đi đâu. Mà nói thật ra thì... có phải ai cũng đủ gan đâu ! Chú ngừng nhìn trời. Qua vòm cây, mặt trăng như gần lại. Cách chưa lâu, chú vừa làm một chuyến phiêu lưu ảo lên chị Hằng. Mặt trăng hoang vắng mà huyền hoặc kì lạ. Chú đã đụng độ với người vũ trụ. Chúng đã chuồn. Bây giờ thì mình đã có thể tự bay lên được. Còn bọn này... Chú nảy ra một ý :

-Này ! Bọn ta bay lên cung trăng đi ! Lên đấy thì tha hồ. –Chú không nói rõ “tha hồ” gì.

Bé-bọngựa cất cánh vù lên. Tất cả cất cánh theo. Cô Trăng đang cười. Chúng bay lên...

x x x

Cha và mẹ về nhà hơi khuya. Mẹ nhòm vào phòng con thấy cậu quí tử đang ngủ ngời trên ghế. Con bọ ngựa lạ đậu trên tóc cậu bé. Đầu cậu ngật sang một bên khẽ rung theo nhịp thở ; mỗi lần như thế cổ con bọ lại mơ hồ đưa. Mẹ bế Bé lên giường. Bé nói mớ, nghe rõ lời : “Uỳnh cho tan cái bọn phóng tên lửa cản đường ta ! “

--

Hải Phòng, cuối năm 2001

Khải Nguyên HT

Ông Nội

Hồi đó, các cháu học sinh trường cấp một phố tôi nô nghịch vào loại nhất, vậy mà ông bảo vệ của trường chẳng phải quát nạt bao giờ. Chúng mến ông, nể ông, một ông già cao, gầy, má hóp, râu cằm lưa thưa, chẳng có "uy" trấn người ta, chẳng có "ân" hút người ta. Ông vốn là phó may đã trao nghề lại cho cô con gái. Ông sống vừa cởi mở, vừa kín đáo - cởi mở giao tiếp mà kín đáo tâm tư. Chỉ những khi ngồi bên ấm trà cùng tôi, ông mới rủ rỉ dăm ba mẫu chuyện đời ông đã trải. Nhờ đó, tôi mới chấp nối nên truyện này.

Ông Nội vốn là Việt kiều Thái Lan về nước. Năm 1946, giặc Pháp tàn sát những người Lào yêu nước và Việt kiều ở Thakhec, cả khi họ vượt sông Mê Công chạy sang đất Thái. Máu nhuộm đỏ dòng sông đang mùa nước trong xanh. Nội lạc mẹ và em, cùng số đồng bào thoát chết định cư tại vùng Đông Bắc Thái Lan. Cộng đồng người Việt sống đùm bọc nhau và hoà hợp với dân bản địa. Ai cũng hướng về đất nước đang kháng chiến. Được mấy năm, chính phủ mới lên ở Băng Cốc không ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân ba nước Đông Dương như chính phủ trước nữa. Họ làm theo yêu cầu của Pháp ra tay đàn áp Việt kiều. Việc làm ăn bị o ép; trường học

của trẻ em bị đóng cửa; chùa chiền bị phong tỏa. Năm ấy, bà con ta ăn một cái Tết buồn. Nội, trong cơn phẫn, sáng mừng một bỏ nhà tìm đường đến Băng Cốc. Chàng mang theo nghề thợ may và vốn tiếng Thái khá khiêm tốn. Thời nào thì một đô thị sầm uất cũng dễ kiếm việc hơn. Chàng tin vậy. Nhưng chàng sớm vỡ mộng. Sau mấy ngày lang thang, bụng rỗng mà túi cũng rỗng. Chàng không muốn ngửa tay ăn xin. Chàng gượng vào một vườn hoa nhỏ vắng người nằm trên ghế đá rồi lịm đi lúc nào không biết. Đối diện với vườn hoa bên kia đường là một tiệm may Hoa kiều. Một người trong tiệm để ý thấy người lạ nằm đó từ nửa buổi trưa không nhúc nhích bèn ra xem. Vừa nhòm qua, anh ta hoảng lên: một cái xác. Bà chủ tiệm nghe báo cũng hoảng. Có người nằm chết trước tiệm thì thật xúi quẩy. Kế toán của tiệm, một người đã cứng tuổi, sờ đầu, sờ mạch "xác chết", đoán chỉ bị đói lả đi thôi. Bà chủ bèn đưa vào nhà bón nước cháo cho. Chàng Nội thoát chết, lại được bà chủ nhận cho làm một chân phụ ăn ở ngay trong tiệm. Chàng tạm yên tâm ở đấy, tính nường nấu ít lâu cho biết hơi hướng Băng Cốc và kiếm tiền đi đường để trở lại chốn cũ. Thường ngày, xong buổi làm, chàng hay tha thân dạo quanh phố xá. Một hôm, chàng đến một nơi người ta đang cân thóc để chuyển đến nhà máy xay. Các người phu bản xứ nổi nhau đội thùng thóc đến đặt trên bàn cân, xong lại nhắc lên đội đi đổ xuống thuyền. Nội ngửa miệng nói buông: "Làm vậy, phí sức và phí thời gian quá". Người đang trông coi việc cân nghe được, hỏi lại: "Thế thì sao?". Nội bèn đề ra cách mà mình chợt nghĩ: Cân người phu trước, sau đó từng người đội thóc cứ tiện đường đi bên này bước lên bàn cân rồi thuận chân bước xuống đi tiếp tới nơi trút thóc, vừa nhanh vừa đỡ tốn sức. Trạm cân thóc ấy thuộc một ông chủ lớn người Hoa, chú của bà chủ tiệm

may. Ông chủ lớn nghe nói lại sáng kiến của Nọi, bảo cô cháu chuyển anh thợ phụ cắt may sang cho mình. Một bước ngoặt trong đời Nọi. Chàng được giao một trạm cân thóc. Lương cao hơn và ăn ở cũng đàng hoàng hơn. Nếu yên phận thì cuộc sống như vậy là tạm được rồi, lại còn có cơ khá lên nữa. Nhưng anh chàng Nọi lại không "biết điều". Lần ấy, chàng được phái đi mua thóc tại một vùng nông thôn. Ở những nơi như vậy, thường có đại lí của ông chủ lớn. Đi về, Nọi thật thà nói ý nghĩ của mình với ông chủ:

- Giá thu mua quá thấp.

Ông chủ ngắm anh làm công bạo phổi, thủng thẳng nói:

- Chúng nó đồng ý bán vậy mà.

- Họ không còn cách nào khác. - Nọi vẫn giữ ý mình.

- Anh thương chúng nó à? - Ông chủ vẫn không cao giọng.

- Họ và vợ con nheo nhóc lắm. - Ngừng một chút, Nọi đề nghị: -

Ông cho tôi làm việc khác.

Ông chủ nhíu trán, trầm ngâm chốc lát rồi quyết định ngay:

- Được! Tôi cử anh làm Tổng quản lí các cơ sở kinh doanh của tôi.

Ông chủ thuộc sổ các nhà tư sản người Hoa đang nắm vận mệnh kinh tế nước Thái Lan. Ngoài xuất khẩu gạo, ông ta còn có cả những nhà máy xay, nhà máy cơ khí... Cơ ngơi của ông ta rải ra nhiều nơi. Mỗi khi có cuộc họp bàn việc lớn, ông ta cùng bạn làm ăn lên thuyền neo giữa sông to; xung quanh, trên bờ, trên sông, có các chốt gác. Tổng quản lí chưa phải là tổng giám đốc như ngày nay, song quyền cũng to, thanh tra, giám sát, tổng hợp tình hình, đề xuất ý kiến...

"Tôi biết ông chủ đặt tôi vào cửa độc đây. - Ông Nọi nhỏ nhẹ

bảo tôi. - Ông ta đáp lại tính hay trắc ẩn của tôi. Làm tổng quản lí dễ gặp "rủi ro" lắm, từ cả hai phía. Đã có mấy tổng quản lí tử nạn một cách bí ẩn. Hoặc tôi sẽ theo chân họ, hoặc tôi sẽ được việc. Cách dùng người của ông ta là vậy".

Không dám mạo hiểm, chỉ có cách chuồn. Cách đó không hợp với Nội. Chàng xin ứng trước một số tiền, và xin vắng mặt để tự lo liệu trong ba tháng.

Chàng khăn gói lên đường đến các cơ sở gần xa của ông chủ đóng vai người đi tìm việc. Chàng xâm nhập các xóm lao động, la cà nơi các quán rượu, các quán cơm bình dân. Chàng trà trộn vào đám người chờ việc. Chàng lân la làm quen với những người thợ, những nhân viên văn phòng, những người chạy việc. Chàng thu thập tin tức, nắm tình hình mọi mặt từ cách làm ăn, cách đối xử của các ban điều hành, đến đời sống của những người làm công. Chàng biết được khá nhiều chuyện. Đồng thời chàng kết thân được với một số người có bản lĩnh ngang tàng mà trung thực, hào hiệp, những người thường không được may mắn trong cuộc đời. Sau ba tháng, chàng về gặp ông chủ xin chính thức nhận việc. Chàng đề nghị ông chủ tư giấy đi các nơi giới thiệu tổng quản lí mới, kèm ảnh (chàng không tự mang giấy giới thiệu như tôi nghĩ). Đến gặp lãnh đạo các cơ sở, chàng nói trúng phóc những cái hay, cái dở của họ, của xí nghiệp, nhà máy. Họ chỉ còn có việc tròn mắt mà ngạc nhiên. Những thâm thủng lớn, chàng bắt bẻ hoàn. Những tư túi chút đỉnh chàng cho qua. Nhưng với trường hợp nào chàng cũng nhấn mạnh: "Các chuyện trở về trước vậy là coi như xong, tôi sẽ không nói gì với ông chủ. Từ nay trở đi các vị lưu ý cho, ông chủ sẽ không nhẹ tay đâu". Không phải dễ mà có được, mà nói được câu nói kiểu đó.

Con đường sự nghiệp của Nọi, nếu có thể gọi là sự nghiệp, đã mở ra như thế. Lắm khi vào việc mới tự phát hiện ra khả năng mình. Nếu lại có ai đó đánh giá cao, càng say việc. Say việc dễ làm cho quên ngày tháng, quên cả thân phận.

Một hôm, ông chủ mời Nọi đến nhà riêng, một điều ông ta ít làm đối với thuộc hạ. Sau khi Nọi uống cạn chén rượu tự tay ông ta rót, ông chủ đi thẳng vào việc. Cô cháu họ ông ta, bà chủ tiệm may ấy, ở góa đã mấy năm, không con, ông ta muốn xe duyên cho chàng. "Tôi quý anh, muốn anh trở thành người trong nhà. Cháu nó ở vậy mãi đâu có được. Mà tìm người thích hợp đâu có dễ". Cô chủ tiệm may chẳng lạ lắm gì đối với Nọi. Cô còn trẻ, hơn chàng một tuổi, dung nhan dễ coi, tính tình điềm đạm; hỏi cứu chàng rồi cho chàng việc làm cũng không giữ bộ bà chủ. Nhưng dường như ông chủ muốn ràng buộc chàng đây. Chẳng phải do tình yêu của cô chủ tiệm may. Cô ta nhiều lắm là có thiện cảm với chàng thôi. Từ chối thì làm nàng, người mình chịu ơn bẽ bàng. Và ông chủ sẽ nghĩ gì? Với một người vốn không nhiều lời nhưng một khi đã quyết định không muốn bị trái ý thì chưa biết sẽ thế nào. Nọi chẳng có nhiều thì giờ để đắn đo lâu. Đám cưới không phô trương, song đủ các nghi lễ chính của tục Tàu.

Trở thành người thân thích của ông chủ. Nọi thấy càng phải giữ gìn hơn. Tín nhiệm và uy tín của chàng do tự tay chàng. Làm khác, chàng sẽ tự làm mình bé đi trong mắt vợ, dẫu có vẻ được lớn lên trong mắt người đời, nhất là người của công ti.

Ông chủ định mở một cơ sở thu mua và chế biến hải sản ở bờ biển phía Nam. Dân địa phương nhao lên phản đối. Đứng đằng sau, trước hết là những vựa cá, những người buôn bán hải sản tại các chợ... Nọi được phái đi xem xét sự thể và được ủy toàn quyền giải

quyết. Chàng đem theo năm người thân tín. Đến nơi, sau khi đã nắm bắt tình hình, chàng mới ra mặt là người của công ti. Chàng vào một tiệm rượu lớn nhất thị trấn. Đối chọi, nếu phải xảy ra, thì tại đây vẫn hơn là những nơi xo xúi. Chàng chọn một bàn ở khoảng giữa sát tường chính. Người của chàng tản ra các bàn ở vòng ngoài. Chàng đang gọi thức uống thì một toán người kéo đến trước cửa tiệm. Lao xao tiếng nói, cả tiếng thét lác nữa. Đám đông dừng lại ngoài quán, sáu người tách ra bước vào. Họ ngồi xuống bên mấy chiếc bàn kê cửa ra vào, hướng về Nội. Người để ria mép trong bọn dạng háng rồi nói phủ đầu:

- Này ông kia! Các ông đến đây để giúp chủ người Hoa bóp nghẹt chúng tôi phải không?

Trong phòng lặng phắc. Chợt một tiếng bàn tay đập bàn. "Xin được ra tay" - thủ lĩnh nhóm người của Nội ra hiệu hỏi. "Chờ đã" - chàng vỗ hai tiếng xuống bàn mình đáp lại. Chàng thông thả châm thuốc lá rồi nhìn mấy người gây sự điềm tĩnh nói:

- Chúng tôi đến chỉ làm lợi cho dân vùng này thôi.

- Ông nói nghe lạ tai đấy. - Người râu mép cười khẩy.

- Thế này nhé! Cá tôm các người đánh bắt được có phải bao giờ cũng bán chạy đâu. Có xí nghiệp thu mua và chế biến tại đây thì lúc đó không một ai có thể ép giá được. Đó là một. Xí nghiệp càng phát triển thì càng thúc đẩy nghề biển; khi cần, xí nghiệp sẽ hỗ trợ vốn liếng và phương tiện. Đó là hai. Điều thứ ba càng quan trọng, xí nghiệp sẽ cần lắm nhân công, chẳng phải sẽ giải quyết việc làm cho nhiều người ư?

Nội biết những người háng hái nhất, những người được đẩy ra đương đầu thường là những người nửa thất nghiệp, hoặc không có

việc làm ổn định. Nói chung, dân lành nước Thái hầu hết là theo đạo Phật, không muốn nhiều sự. Họ chỉ cất tiếng khi bị dồn vào chân tường. Đám người kia nghe chàng nói nét mặt dịu hẳn. Rồi họ làm thân. Họ hỏi han các dự định của ông chủ.

Khi kể lại chuyện này với tôi, ông Nội ngậm ngùi nói: "Ngẫm lại những lời tôi bảo họ có sự thật và có cả nguy hiểm. Mở xí nghiệp chế biến hải sản tại đây đúng là có góp phần đẩy kinh tế biển lên, mở mang xuất khẩu, thêm công ăn việc làm. Nhưng mặt khác, nó bóp chết nghề buôn bán hải sản của dân địa phương. Nhiều người không chuyển đi làm ăn nơi khác được đành bám quanh xí nghiệp làm các việc vặt, hoặc buôn bán vật mua đi bán lại quanh quẩn. Lắm kẻ lâm vào cảnh khốn cùng hơn trước. Số người được nhận vào làm trong xí nghiệp có phải là bao nhiêu cũng vừa đâu. Còn dân đánh bắt hải sản thì buộc chặt vào xí nghiệp, trở thành người làm thuê lúc nào không biết. Trước kia họ làm tự do hoặc hợp tác tự nguyện. Dần dà, ông chủ tìm cách gom họ lại một cách tinh vi, nẩy nòi ra những "cai đầu dài" như ngày nay ta hay nói. Chưa kể ảnh hưởng đến bữa ăn của các gia đình khi tôm cá trở nên khan hiếm trên thị trường tự do. Kề biển mà phải nhịn thức ăn biển, trái khoáy vậy".

Làm được việc, có uy tín, được chủ tín nhiệm, song tâm tư Nội có mòi bất ổn. Chàng rất ngại những khi rảnh rỗi. Mẹ và em mất tích ở Lào, chắc là bị giặc giết rồi. Chàng nhớ đến cộng đồng người Việt ở đông bắc nước Thái đang hồi khốn khó nhất do chính sách kì thị của chính quyền phái hữu. Chàng không còn quê hương. Quê hương Việt, chàng chỉ có thể mừng tượng qua lời mẹ kể. Vợ của chàng khó mà sẽ chia được những nỗi niềm riêng tư của chàng. Có những lúc người ta dễ tặc lưỡi tìm cách giải phiền. Nội đã trụ được.

Chàng tránh được những cám dỗ. Nhưng có một lần chàng đã buông xuôi. Một người của chàng hôm đó thấy chàng nặng suy tư đã rủ đi thăm sông bạc "coi cho biết". Dự định chỉ là xem thôi, nhưng quỉ xui thế nào, chính chàng không hiểu mình lúc đó, chàng thử đánh. Ban đầu là "thử", sau là "khát". Nhoáng cái, chàng đã nướng sạch số tiền của công ti chàng mang theo để tùy nghi xử lí khi có việc. Chàng đến gặp ông chủ nói vắn tắt chuyện mất tiền và xin được đền bằng cách trừ dần vào lương tháng của mình. Con trai ông chủ phụ trách một bộ phận kinh doanh cũng có mặt lúc đó đề nghị dùng quĩ đen của bộ phận mình trả thay. Chàng nghiêm mặt bảo: "Đây là việc của tôi, chú dưới quyền tôi, chú không được làm vậy". Ông chủ - chú vợ im lặng chấp thuận. Chàng không một lần nào đặt chân vào sông bạc nữa. Trước đó, chàng chẳng mấy quan tâm đến chuyện dành dụm. Chàng thấy mình sống chưa có trách nhiệm với mình lắm.

Năm 1960, Chính phủ Việt Nam (Hà Nội) điều đình với Chính phủ Thái Lan để cho Việt kiều tự nguyện về nước. Nội như sức nhớ ra mình có một xứ sở, một quê hương. Không chút chần chừ, anh ngỏ ý với chủ. Ông ta bảo: "Năng lực của anh đang độ chín. Anh ở lại, tôi sẽ gây dựng cho anh". Anh cảm ơn, nhưng không thay đổi ý định. Anh hỏi vợ có đi với mình không, chị hỏi lại:

- Về Bắc Việt hay Nam?

- Bắc. (Chính quyền Sài Gòn lúc ấy đang ra sức lôi kéo kiều bào về Nam. Chính quyền Bắc Cốc cũng gây sức ép phụ họa).

- Thật ra với em thì Bắc hay Nam không quan trọng, tuy em có họ hàng xa ở Chợ Lớn. Anh cứ đi trước. Em còn phải suy tính, thu xếp, có gì em sẽ báo anh sau.

Nội biết sự liên lạc rồi đây sẽ chẳng dễ. Chị ta như vậy là đã

quyết định rồi.

Khi chiếc tàu sắp cập bến Hải Phòng, mắt bao nhiêu người nhòa lệ, - những con người vì sự săn đuổi của bọn giặc nước hoặc vì miếng cơm manh áo mà phải bỏ nước ra đi. Nội rời đất Hà Tĩnh khi còn bé, hình ảnh quê hương gợi lại chỉ mơ hồ, nhưng khi nhìn thấy bến bờ Tổ quốc, tim anh như có ai vuốt nhẹ.

Điều bất ngờ nhất đang đợi anh phía trước. Đoàn Việt kiều hồi hương được ban đón tiếp đưa về ở tạm trong một biệt thự xây từ thời Pháp đô hộ. Hôm ấy, Nội đang sửa soạn để cùng mọi người đi xem văn nghệ chiêu đãi thì được báo có người cần gặp. Anh vào phòng khách bằng lối cửa bên. Một người đàn bà vóc nhỏ, tóc bạc phơ, ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành đang ngóng về phía cửa ra vào chính. Ngồi cạnh là một thanh niên cường tráng đang lật giở tờ họa báo trên bàn. Nội giật thót mình, đứng đực ra, mãi rồi mới thốt được một tiếng thì thào: "Mẹ". Tiếng anh chỉ thoảng qua như hơi gió nhưng cũng đủ làm người đàn bà ngoảnh nhìn. Đến lượt bà, bà trân trối nhìn anh, tay muốn đưa lên phác một cử chỉ mà không nổi.

Mẹ và em anh nằm trong số rất ít Việt kiều sống sót sau vụ bọn Pháp giết chóc ở Thakheo năm xưa. Được người Lào che chở và giúp đỡ, bà cùng con trai lần về được tới quê hương. Tuy cũng ngờ rằng anh đã bỏ mình trên dòng sông Mê Công, bà vẫn nuôi một hi vọng mỏng manh. Em anh vừa vào bộ đội được mấy tháng, đóng quân cạnh thành phố này, dò danh sách thấy những người hồi hương đợt đầu thấy có tên anh. Nhưng cậu chỉ bảo mẹ đi tìm gặp người quen. Cậu cẩn thận phòng sự trùng tên, tránh cho mẹ khỏi thất vọng hay cậu muốn dành cho mẹ một niềm vui bất ngờ?

Tôi hỏi ông Nội sao về nước không tiếp tục nghề quản lí kinh tế

mà lại đi làm thợ may. Ông cười nhẹ, nín lặng. Nhưng rồi vào một dịp Tết, vui chén rượu xuân, ông cũng thổ lộ tâm tình.

Người ta cũng có hỏi đến những việc ông đã làm ở bên Thái, và hỏi ông có nguyện vọng gì. Ông thấy cũng khó giao việc cho mình như hồi ở bên đó. Bên đó là chủ tư bản, được việc thì dùng, hỏng việc thì loại bỏ. Dùng hay bỏ là do một tay họ. Ở ta, không thể tùy tiện dùng, tùy tiện bỏ. Ông lại chẳng ở trong đoàn thể, giao phụ trách sao được. "Nói thật cùng anh, ông nói, nếu có giao cũng khó mà làm theo cách tôi đã làm bên ấy. Chỉ nói chuyện này thôi. Muốn nắm chắc tình hình, quán xuyên công việc, tôi phải lao tâm, khổ tứ, xông xáo, tất nhiên rồi, nhưng cũng còn phải dựa vào người của mình. Dùng họ, phải rộng rãi. Khi cần, tôi bỏ ra cả tháng lương chiêu đãi họ. Lương tháng của tôi hồi ấy thì khởi nói. Nhưng dùng họ mà nhằm nhằm lấy cái bả vật chất để dử thì hỏng, hỏng việc, hỏng chính mình. Tôi đãi họ trước hết theo tình người". Tôi thấy ông chẳng có dáng dân anh chị chút nào. Những lời trên của ông là tình thực. Quả không dễ mà có đất dụng võ.

* * *

Một chiều, quăng trước chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ không lâu, ông Nọi đến bảo tôi: "Bữa nay, cậu cắt cơm ở bếp ăn tập thể, đi với tôi". (Hồi ấy, tôi đang "ba không": không nhà riêng, không vợ, không xe đạp). Ông dắt tới một chiếc xe đạp để tôi đèo ông đi. Ông thạo lái ô tô nhưng lại không biết đi xe đạp. Chúng tôi tới cửa hàng ăn sang trọng nhất thành phố. Ông Nọi đã đặt trước bữa tối tại đó. Ngày còn ở bên nước bạn, bà cụ Nọi có che giấu, tiếp tế cho một số nhà cách mạng Việt và Lào. Trong số đó, có một ông nay là cán

bộ cao cấp trung ương. Nhân ông này về công cán tại địa phương và ghé thăm bà cụ, ông Nội bèn mời cơm ông. Ông khách đi xe xích lô đến, tuy ông có xe ô tô con riêng, đã hẳn là xe công. Vừa bước vào phòng, ông hỏi ngay "bà cụ đâu?". Ông Nội tạ rằng mẹ ông hơi se mình và buổi tối bà chỉ thích ăn nhẹ. Bữa hôm đó thật là thịnh soạn, chẳng riêng đối với tôi, một kẻ luôn luôn "đói ăn ngon". Ông khách của ông Nội nhìn bàn tiệc hơi mím môi một chút, chỉ một thoáng rất nhanh thôi. Ông ăn uống tự nhiên, ngăn không cho mở chai rượu mùi, Liên Xô hay Tiệp Khắc gì đó, tôi không còn nhớ. Chuyện trò rôm rả, dung dị. Bữa ăn kéo dài nhưng không sao "đánh đổ" nổi đến nửa lượng thức ăn bày ra. Xong bữa, ông khách bảo khoan hãy dọn bàn. Ông gọi xích lô cho đi rước bà cụ Nội đến. Ông trở cái bàn đầy thức ăn dở bảo bà: "Chị xem! Nó bày vẽ ra ăn nhà hàng, vung tay khiếp chưa! Hồi ở bên đó, chị phải gom từng hào để nuôi bọn tôi hoạt động. Kiêu bào mình về nước có dư dả chút ít, chớ nên phí phạm. Nước mình còn nghèo lắm, chưa khá lên ngay được đâu". Ông Nội kín đáo bẹo tôi một cái rõ đau. Trên đường về ông bảo tôi: "Còn may đấy! Cụ mà bỏ về không chịu nhúng đũa thì thật ê". Mãi sau này, nhắc tới ông khách nọ, ông thủ thỉ nói: "Chuyến ấy làm tôi tỉnh ra. Tôi chẳng phải là tay tiêu hoang, mà nét sống quen đi. Ông ấy sống đúng như ông ấy nói. Không biến con cái thành loại cậu ấm, cô chiêu. Giá ông lãnh đạo nào cũng được vậy!".

Từ lúc mất kém dần, ông Nội phải rời nghề may. Trường tiểu học gần nhà ông khuyết chân bảo vệ, khó tìm người thay, ông nghĩ ý nhận thế chỗ. Những người thân của ông hết sức can ngăn, nói ông sức yếu chẳng kham nổi đâu. Lí do chính có lẽ là việc làm ấy đáng ra

là của người không còn biết làm gì hơn. Song ông nhận làm đâu phải vì ông túng! Ông đã làm việc đó một cách bình thản và lặng lẽ, như tên ông - tiếng Lào có nghĩa là nhỏ.

Ông ra đi vào cõi u minh cũng lặng lẽ và bình thản như thế, chẳng ốm đau gì, một ngày đầu xuân rét ngọt.

X - 1997

Khải Nguyên HT

Truyện khó đặt tên

-Khách chơi vừa ngồi yên chỗ, tay kép đã so dây đàn: tăng tăng, tăng tăng, tăng tăng, tức là có ý hỏi nắn gân: “thằng nào? thằng nào? thằng nào?”. Tức thì mình vớ ngay lấy cái trống chầu, loại trống con để cho khách cầm chầu ấy mà, vung dùi nện luôn ba tiếng: tom, tom, tom, ý là đáp lời: “tao! tao! tao!”.

Ông Thà tợp ngậm rượu, đặt chén xuống chiếu, xoa cằm cười khà. Ấy là lúc rượu vào ông đã đủ. Ít khi ông bết nhe. Theo tôi biết thì chỉ duy nhất một lần ông bị “cho vào xiếc” sao đó nên quá chén đến rò rỉ ra quần. Hôm sau, truyền trong đoàn bài thơ nói là ông tưng trào, nhưng có thể là của mấy tướng đầu têu “làm hộ” ông:

*“Xưa nay rượu thánh men thần
“Đố ai bình được ra quần như ta!
“Cứ cười cho hờ rãng ra
“Có say tới số mới là biết uông (uống)”*

Lúc này ông đang kể chuyện ngày trước bọn ông đi hát ả đào.

-Đi hát ả đào là như đi hát karaôkê ôm bây giờ, phải không ạ? -

Cậu lém nhát bọn hỏi- Cũng là một kiểu “tươi mát” chứ gì?

-Không phải. -Ông Thà lim dim mắt đáp- Đi hát ả đào, người ta hay gọi một cách khinh thị là “đi chơi cô đầu”, đúng ra là đi thưởng thức hát ca trù, về sau biến tướng đi với nhiều tay chơi tân học nhập hàng cô đầu hát với cô đầu rượu, nhưng chưa đến mức như bây giờ. Có đâu mượn cớ hát hồng để ôm, sờ, bậy bạ. Cứ xì tiền ra rồi “nhăng cuội”, đâu phải thưởng thức hay giải trí. Đến nhà cô đầu không phải cứ ăn mặc sang, chi tiền hậu là được trọng vọng đâu. Phải là tay sành biết thẩm lời ca, điệu ca, giọng ca bằng tiếng trống cầm châu; nó thể hiện trình độ am hiểu, trình độ thưởng thức của anh. Anh chẳng hiểu gì cứ nện trống bừa thì ngoài mặt họ vẫn thừa gửi mà trong bụng thì “coi khinh vài mươi phút”. Không chỉ trong bụng, nhiều khi lộ ra ở ánh mắt, khóe môi, cả ở câu hát của đào, tiếng đàn của kép, có khi là miếng phủ đầu trộ khách.

Ông Thà không nói ra, nhưng bọn chúng tôi hiểu ngầm rằng xưa ông từng là tay phong lưu sành điệu.. Xưa, phải rồi, hồi chưa Cách mạng. Còn nay, tức là sau này, khi ông là thành viên đoàn nghệ thuật tổng hợp thành phố, thì những gì người ta được biết về ông có khác.

Ông là nghệ nhân đa tài, cổ nhạc, tân nhạc đều rành, cả hát, cả múa. Lương ông xấp xỉ lương trưởng đoàn; ông có phiếu mua cung cấp để bồi dưỡng nghề nghiệp hàng tháng 6 hộp sữa, 4 kg đường, 5 kg thịt, một lít nước mắm,... xấp xỉ tiêu chuẩn tem phiếu đãi ngộ chủ tịch thành phố. Thời “bao cấp” mà được vậy thì đáng hoàng quá. Mà nom ông đáng hoàng thật. Mỗi lần lên sân khấu hoặc đi giảng cho bọn đàn em hay cho lớp nhạc tư gia, ông đều lên “com-lê”, xoàng ra cũng sơ mi cổ cứng về mùa nực, đeo ca-vát hoặc nơ, đi giày da. Song, ông sống lại xuê xoa Một lần, lĩnh lương tháng xong, tôi và đưa bạn ra chợ mua chút gì về cùng nhau nấu nướng “cải thiện” bữa ăn cho tươi một chút sau nửa tháng rỗng xài cơm “bếp tập thể” đã thấy ông đánh bộ cánh của dân đánh xe bò chừng một tháng chưa giặt đang ung dung trong quán thịt cày. Ông vẫy chúng tôi lại, sốt sắng kéo ghế cho chúng tôi và gọi thêm chén uống rượu, thêm dưa, thêm bát. Thời bấy giờ, con gái ăn quà chợ chẳng còn là chuyện khó coi., kể cả đánh rượu- thịt chó. Tuy nhiên, chúng tôi cố từ chối. Chúng tôi vừa đi thì một anh cùng cơ quan lảng vảng đến. Ông Thà vẫy anh ta, và anh ta chẳng hề khách khí sà ngay vào khi lời mời chưa nói hết. Sau này tôi mới biết: đã thành lệ, hễ có tiền rủng rỉnh trong túi là ông Thà đến “thăm” các quán nhậu và hễ gặp ai quen là kéo vào.[font=.vntime] Ấm thực phải có bạn mới thú, ông bảo vậy. Một số kẻ biết thóp cung cách ấy của ông thường “tình cờ” đi qua nơi ông đang nghiền ngẫm mấy món, hoặc lòng lợn tiết canh, hoặc bê thui, chim rán, vân vân... Cần phải công bằng với ông: ông chẳng sa đà. Lần ấy, đoàn đi phục vụ một địa phương được người ta mỗ bỏ thết. Nửa đêm, cả đoàn, chẳng chừa đoàn trưởng, ôm bụng xếp

hàng trước buồng vệ sinh chung của nhà khách (thành quả của quan điểm xây dựng một thời!), trừ ông Thà. Đánh chén, với ông, là sự khoái hơn là đầy bụng. cái khoái ấy làm hại ông, cái tính hào phóng dờ hoi(!) làm hại ông thêm. Lương ông chỉ mười ngày nhần. Tiền ông dạy ngoài cũng khá nhưng cũng sớm rời bỏ ông. Ông bán “non” các phiếu bồi dưỡng sữa, đường, thịt (còn thiếu nước bán sổ gạo!). Đến bộ cánh phát riêng cho nghệ nhân biểu diễn cũng bán nốt. Người ta bảo ông chỉ có mỗi “nhất bộ nhất bái(!)” để trưng thôi. Sơ mi cũng chỉ có mỗi cái là tươm. Người tinh ý nhìn quần áo ông có thể đoán “tuổi” của chúng. Phải công nhận ông thu xếp việc mặc cũng tài, chẳng thành vấn đề nhiều khê như lũ chúng tôi.. Điều này kích thích óc tò mò chẳng bao giờ vơi của chúng tôi, bọn con gái ngủ phòng tập thể, sung sức mà thì giờ rồi thì nhiều. Đứa bạn tôi kể: “Tao và con Bê đến chơi nhà chị Lạc, cái chị ở cạnh phòng bố Thà có chồng đi B, mày biết rồi. Chuyện tào lao chán, chị Lạc vào giường dỗ con ngủ, hai đứa tao mới đến bên cửa sổ hé cánh cửa rình...”

Trời tối đã lâu, các phòng ở khu nhà tập thể cấp bốn còn ánh đèn. Cửa phòng ông Thà hé mở, ông thò đầu ngó quanh quất rồi bước ra.. Tay phải ông cầm cái ống bơ sắt tây, loại thường dùng để đóng gạo, và cái bàn chải đánh răng. Tay kia thu thu sau lưng. Cái gì nhỉ? Cái sơ mi ông vẫn mặc kèm cái “vét”. Ông ta định làm gì vậy? Ông muốn giặt. cái áo mặc đã khá lâu rồi; phần bị che khuất chẳng nói làm gì, chứ cổ áo và tay áo thò ra để ghét bám thấy rõ thì thật là không tiện. Bể nước công cộng nằm trong khu vực cơ quan, ban đêm cổng khoá. Ông không nước dự trữ. Được cấp phát cái xô hai mươi lít, ông đã bán cho chú bảo vệ mất rồi. Thường ông vẫn phải xin

nước các nhà lán giếng. Xin mãi để giặt giũ cũng cảm thấy khó coi. Vậy nên ông làm ra vẻ chỉ xin nước đánh răng thôi.. Trong sân chung chỉ có một ngọn đèn điện song cũng đủ sáng. Ông Thà đến bên thùng nước của nhà hàng xóm. Ông hắng giọng đánh tiếng “cho xin tí nước” hắng hoi rồi mới múc. “Đối tượng” giặt chủ yếu là cổ áo và cửa tay áo, những thứ cần được chăm sóc kĩ. Ông ém thân áo trên đùi trái, cùi tay trái đề giữ. Các việc đắp nước, xát xà phòng, giặt nước, bàn tay phải “đảm trách.”. Các khoản vò, vắt thì tay trái phò trợ. Thường ông giặt vào tối hôm mà đài phát thanh dự báo ngày mai sẽ nắng. Khi đem phơi, ông dùng hai cái kẹp kéo căng vải ra từng nơi cần thiết. Khô rồi, cổ áo và tay áo đều khá phẳng phiu, coi như được là. Hồi ấy, điện dùng khoán, lại do cơ quan trả tiền, có thể phóng tay mà xài. Bàn là Liên-xô tuy hiếm song một số gia đình trong chung cư vẫn có, nhưng ông ngại mượn. Mà việc gì phải lười thôi, làm như ông cũng xong, sáng kiến quá đi chứ!

Nghe những chuyện như vậy, chúng tôi cười thật sượng miệng. Dường như lúc rồi hơi, người ta cần ai đó có chuyện gì đó, thậm chí bất hạnh, để mà khao nhau, để mà đàm tiếu. Nhưng rồi biết thêm, thấy cười khó hơn, ít ra là với riêng tôi.

Ông Thà ở trong một căn phòng hơn chục mét vuông, một mình. Vợ con ông ở thành phố quê hương. Những người độc thân trong khu nhà của cơ quan tôi đều vào hộ tập thể, chung ba, bốn người một phòng chừng 16 mét vuông. Ông Thà được chiếu cố hơn là ưu tiên. Chúng tôi vẫn “quan tâm” đến cái phòng ở “nghệ sĩ” của ông. Đập vào mắt trước tiên là rất nhiều tranh ảnh cắt từ hoạ báo các loại

dán trên vách, dường như là theo đồ án trang trí riêng hoặc theo một phong cách thẩm mỹ độc đáo sao đó. Con bé bạn thân của tôi chỉ nhòm qua, phán tỉnh bơ: “Che các vết ố, vết nứt và chắn gió mùa đông-bắc, mày ạ”. Trong góc, một chiếc giường đơn suốt ngày buông màn. Màn ấy khó giặt đã đành mà vắt hay cuộn cũng rầy, bởi có đến mấy chục lỗ dán giấy đục đến không nhẹ tay là bong. Mùa rét, giường ông trải hai lớp chiếu, giữa lót giấy báo. Ông chỉ có một cái chăn chiên Nam Định tàng tàng. Phải hôm rét đậm, có nhà hàng xóm đem cho mượn chăn bông, ông kiên quyết trả lại. “Không. Tôi khoẻ lắm. Rét này mùi gì”. Nhiều đêm, có bao nhiêu quần áo cũ, quần áo rách ông đều mang ra mặc độn. Cũng có hôm ông chơi đàn chống rét thật khuya. Khí lạnh dường như cũng xiết vào giọng đàn.

Trong phòng ông Thà còn một vật trứ danh: cái điều cày. Chẳng phải điều thường! Trước hết, nó được làm bằng loại tre chỉ vùng Tây-Bắc mới có. Hai, nó là điều theo kiểu người Mông ống rất to, khi hút miệng điều trùn ra hai bên má; người hóp má khó mà hút được. Ba, đây là vật lưu niệm của người bạn thiết của ông từng công tác lâu năm tại Lai Châu, nay đã quá cố. Cái điều được giữ gìn cẩn thận, lên nước nâu bóng, thật trái ngược với cái vẻ ngoài luộm thuộm của chủ nhân.. Còn trứ danh hơn nữa là sự hút của ông Thà. Ông chỉ hút thuốc Lào, và chỉ hút bằng điều ấy, do vậy chỉ hút ở nhà..Trước khi hút, ông trải chiếu ra nền nhà, ngồi xếp lên đó, rót sẵn chén nước chè ngon đặt vừa tầm tay với; sau đó mới nạp thuốc, xoè diêm, ướm một hơi ngắn trước khi kéo một hơi thật dài, thả điều vào sọt đính bên vách, chiêu một ngụm nước chè rồi nằm thẳng cẳng, mắt lơ dờ, mặt tái xạm, nom rất hãi. Một người hàng xóm lần đầu ngó thấy

hoảng lên gọi người cấp cứu. Ông chỉ nằm dăm phút là ngồi dậy tỉnh táo như không, xem chừng còn sáng khoái nữa. Mỗi ngày, ông chỉ làm ba “phát” như thế, rải đều ra. Có vẻ như mỗi lần hút ông xua sạch được những phàm ý trong đầu làm vương sự thông linh với nàng Nghệ thuật.

Ông Thà không ăn cơm ở bếp chung. Ông tự nấu lấy với cái bếp dầu. Đồ nấu nướng có giá trị nhất là cái niêu nhôm vừa để nấu cơm, vừa để nấu nước. Hôm nào nhớ ra thì nấu nước trước; hôm nào nhớ quên thì phải kì công cạo rửa nồi mới nấu nước được. Ông là người sành trà, có mùi tạp trong nước để pha thì còn ra cái “tiết mục” gì nữa!

Người ta không nghĩ ông Thà nghèo, -quả tình ông chẳng nghèo, nói đúng ra là ông chẳng kiết, trước hết là trong tính cách.

Ông Thà là tay phong tình, nhưng là phong tình ... mồm. Lũ văn công chúng tôi “em” nào chẳng hấp dẫn, hay biết cách làm cho hấp dẫn. Tiện em nào ông tán em nấy ; chỉ tán thôi, không biết hoặc không dám “đi xa”. Tán và cho quà. Dạo miền Nam mới được giải phóng, ông vào thăm một bà cô dạy tiểu học ở Sài Gòn. Khi ra, túi ông có vẻ xủng xoảng. Bọn chúng nó xúm lại phỉnh. Chắc cũng chỉ định mua vui hoặc giải xui khi ế khách xem. Ông khoái. Với em này:”Cho dì chiếc nhẫn đây” ; với em kia: “Biếu dì cái đồng hồ đây”. Nhẫn vàng, đồng hồ Nhật thời ấy có thể làm dịu vẻ mặt của cô gái kiêu sa nhất. Vợ ông nghe tin đến tìm hiểu thì chỉ còn cái kính dâm. “Chậc! Có mấy thứ tôi còn gửi người ta giữ hộ. Dành cái này cho bà

nó, đi đường khỏi hại mắt”.

Người ta chê ông Thà vô tâm với vợ con, không biết thu vén cho gia đình. Cậu con trai độc nhất của ông thi vào đại học trượt, ông bảo:”Học ôn lại một năm cho chắc, con a. Học mà đuối, theo mệt, mà khổ lắm đấy. Hay gì cái chuyện cứ mỗi lần sát hạch lại dựa dẫm bạn, xin xỏ thầy”. Con nghe ông, nhưng vợ thì chì chiết: “Vậy sao ông chạy chọt cho thằng Thảo?”. Thảo là “nhân vật” thoát thai từ phong trào văn nghệ quần chúng. Anh ta “lo được” cái bằng tốt nghiệp cấp ba bổ túc , thi vào trường đại học văn hoá hai lần đều không nổi, bèn chạy đến “thầy Thà”. Anh ta có học ít lâu ở lớp nhạc hoạ quần chúng khu phố, nơi ông Thà có dạy. Trước, anh ta thường tránh gặp ông để tránh chào “thầy”. Ông Thà có bạn dạy ở đại học này. “Thằng ấy không vào đại học thì biết làm gì. Cho nó kiếm mảnh bằng để khỏi lo thất nghiệp (Hồi đó, tốt nghiệp đại học là được bổ dụng. có được chỗ “thơm” hay không là chuyện khác). Nó chỉ múa may trong cái bị tri thức hạn hẹp của nó, chẳng hại gì cho ai”. Mãi về sau ông mới tỉnh ra là mình đã nhầm nặng.

Thủ trưởng cũ của chúng tôi hay kể lại:

-Lão ấy vô tâm kiểu các nhà bác học hơn là kiểu các nghệ sĩ. Được cái cũng chịu khó đi thăm vợ con, thường là sau một đợt biểu diễn của đoàn. Hầu như lần nào đi thăm về cũng trễ. Ông ta đến gặp tôi: “Báo cáo anh, buồn quá”. Tôi nói: “Đến muộn nên buồn à?”. Ông ta nghiêm trang: “Cái... vợ tôi nó... đi cúng. Tôi về tôi phải đấu tranh chống duy tâm mê tín, gay lắm”. Ông ta nói dối không chuẩn bị, mà cũng không biết cách nói dối. Lần khác, ra trễ gần hai ngày ông ta tự

nhiên khoe: “Tôi đã giết mười ba con ngan ăn”, làm như tôi quan tâm đến chuyện ăn của ông ta lắm. Tôi bảo: “Anh hãy nói vì sao đến muộn đấy!”. “Báo cáo anh, con tôi bị rắn cắn phải đi bệnh viện”. “Lần trước anh cũng bảo chị nhà bị rắn cắn”. “Lần ấy là chó cắn”. Thật là nói bock, nói phịa vụng hơn cả con trẻ.

Người như thế chẳng phải là ngây ngô, song cũng làm cho người ta yên tâm, trước hết là các vị lãnh đạo. Ông chẳng tranh hành gì trong cơ quan, ngay cả những quyền lợi trước mắt. Các đoàn văn nghệ thường hay xin được những món hàng cuing cấp ngoài tiêu chuẩn thường kì, nhất là những khi đi lưu diễn. Những món này thường hiếm, song giá nhà nước rẻ như cho. Người ta phân cho cái gì ông được cái đó, lẳng lặng nhận hoặc đôi khi pha trò một câu, -có lẽ do cảm động chăng?. Một lần, cấp trên phân phối cho đoàn một số áo lót dệt kim ba lỗ (áo may-ô) ít hơn số đàn ông có mặt trong đoàn. Ông Thà được ưu tiên (hoặc chiếu cố!) một chiếc. Nghe tin, ông “tức cảnh” tập Kiều: “Bắt phanh trần phải phanh trần / Cho may ô mới được phần may ô” . Chiếc áo dự định của ông rơi vào tay người khác. Ông lắc đầu cười trừ. Bọn con gái chúng tôi cho là ông đụt, là không đáng mặt nam nhi. Ấy! cứ tưởng vậy.

Lần đó, ông Thà tham gia dàn dựng một vở múa. Tập tành công phu. Biểu diễn tổng duyệt được đánh giá ngoài lề là tốt. Song le, dư luận đánh giá là một chuyện, vở có được chào đời hay không phụ thuộc vào lời phán của mấy vị chức sắc nắm quyền năng, trong đó có cả những vị “ngoại đạo”, tỉ như đại diện cơ quan tài chính.. Tôi hơi lầy làm lạ là trong cuộc họp đánh giá để quyết định, các ý kiến phát

ra có chiều hướng xấu, nghiêng về phủ định. Lâm, tổ phó trang trí, người ở cuộc họp nào cũng lựa cơ hội để “tôi có ý kiến” khéo léo lèo qua mình và làm vừa lòng ai đó, -cả người vắng mặt, vốn rất khen vở múa, “khai hoả” đầu tiên. Anh ta khen theo lệ một câu khá chung chung, sau đó “tiếc rằng... “. Thảo, người đang “Q” phụ trách trường sơ cấp nghệ thuật của thành phố, dướn người lên qua cái bàn hẹp cung kính lắng nghe một vị chức sắc đang quay nghiêng đầu bảo nhỏ gì đó, hẳn gợi ý cho anh ta “phát”. Con bạn thạo tin rỉ tai tôi: “Hôm trước, một vị chủ chốt đã hé ra sự không hài lòng thế nào ấy”. Ông Thà ngồi một nơi khuất im lặng nghe. Ông vẫn vậy, hay phán tào lao với bọn chúng tôi mà khi họp hành lại rất kiệm lời. Biên đạo chính thì chịu khó lên tiếng, khi tình bày, khi phản bác. Tôi không sành múa nhưng cũng “phê” là ở đoạn cao trào động tác của vai chính hơi cứng. Ông Thà đưa mắt qua tôi hơi gật gật đầu.

Vị chủ chốt để cho mọi người phát biểu chán mới đứng lên:

-Xét theo tuyệt đại đa số ý kiến tại đây hôm nay, vở này không đứng được. Thú với các đồng chí, tôi không ưa nhất cái cảnh huơ gậy chọc chọc như Tây đoan khám rượu lậu, nó...

(Tôi được giảng giải cho biết Tây đoan là bọn thuế quan Pháp thời ta còn mất nước. Chứa rượu lậu mà bị bắt quả tang thì bị đi tù, khỏi nói trường hợp chính mình nấu. Tây đoan dùng cái thuôn sắt chọc trong vườn, trong ruộng, những nơi nghi chôn các vò rượu).

Ông Thà đang ngồi cù rù trong góc đứng bật dậy chỉ tay vào mặt người đang nói:

-Anh chẳng hiểu cái cóc khô gì cả, cứ phán tùm lum!

Ông bỏ đi ra. Vị chức sắc khựng lại, mặt tái đi, song chỉ trong nháy mắt, vị cười xoà nói sang nội dung tư tưởng và tính đại chúng. Lâm, Thảo và nhiều người vỗ tay. Mặc biên đạo và trưởng đoàn cố sức vớt vát, vở múa không được duyệt. Người ta bảo ông Thà đã làm hỏng hết cả. Hừ! Ông ta cay cú, lần đầu tiên được tham gia dàn dựng, cũng lần đầu tiên nhạc ông ta độc tấu có dàn nhạc đệm được dùng làm nền cho một vở múa qui mô mà! Trước nay, người ta biết ông có tài nhưng chỉ sử dụng như một nhạc công giỏi trong dàn nhạc vậy thôi. Con bạn tôi lí sự: “Con người ta có khi cương cường cả đời mà cũng có thể có một phút yếu hèn, thì người suốt đời nhũn cũng có lúc vùng lên được chứ!”. Tôi không cho là vậy. Nghĩ đơn giản về ông Thà thì dễ quá đi. Không nói các vị có vai vế của đoàn, của sở văn hoá,... hầu như mọi người chẳng ai đồng tình với ông Thà. Ngay như tôi, người tự cho là không xu phụ cấp trên, cũng thấy chướng. Nói vố mặt lãnh đạo là không tôn trọng kỷ cương, thiếu ý thức xây dựng. Kể cũng lạ, trong thâm tâm tôi thấy những lí lẽ bác bỏ vở múa là không thoả đáng. Cũng như tôi từng nghĩ các vị chức sắc quyết định những chuyện oái oăm, ví như cấm địa phương mình chiếu phim “Đi bước nữa”, một bộ phim Việt Nam bảo vệ nữ quyền; ví như không cho lên sân khấu thành phố vở kịch “Bạch đàn liễu”, một vở kịch lên án tệ cường hào mới đồng thời tôn vinh gia đình người ra trận; ví như chỉ cho những ai có phiếu D (phiếu cung cấp lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm) trở lên mới được xem bộ phim “Chiến tranh và hoà bình” nổi tiếng, làm như chỉ những người có mức lương tương đối cao mới đủ trình độ thưởng thức, trong khi không ít người trong số họ chưa từng sờ đến bộ tiểu thuyết của Tôn-

xtôi, không biết Cutudốp, Napôlêông là ai, Bôrôđinô ở đâu, v.v... Tôi không thông mà không dám có ý kiến chỉ im lặng buồn và bực, thế nhưng khi một người cương vị cũng làng nhàng như tôi (không kể năng lực, tư cách) dám lên tiếng thì tôi lại cảm thấy khó chịu như là mình bị xúc phạm vậy.

Tôi tưởng ông Thà sẽ bị kiểm thảo, nhưng không, người ta chỉ đưa ông vào lớp văn nghệ “đánh lể” thường phải đi khỏi thành phố. Khi nào cần “đánh lớn” người ta mới triệu ông về. Ít ra thì ông là một trong số không nhiều cây diễn tấu chủ chốt, ông lại đã có tuổi, ông có quyền thoái thác một sự điều động như vậy. Song ông chẳng tỏ ý gì. Chẳng biết ông thu xếp với các lớp dạy ngoài ra sao. Riêng với trường của giám hiệu Thảo thì “Anh hãy tạm nghỉ, khi nào tôi bố trí được thời khoá biểu thích hợp với tình hình mới của anh hãy hay”. Trước đây, khi được làm phó cho hiệu trưởng trường sơ cấp nghệ thuật, Thảo đã đến nài ông Thà: “Anh giúp em mấy lớp đầu đàn. Em sẽ lo bố trí giờ giấc lên lớp thật thuận tiện cho anh”. Không “thầy” nữa nhưng giọng vẫn nể trọng. Bấy giờ là lúc anh ta cần thể hiện sự năng động trước sở. Hiệu trưởng đương nhiệm chuẩn bị về vườn mà phó hiệu không chỉ một, lại còn một số cán bộ sở chán “chạy phong trào”, chán cảnh “cuối trâu” muốn lên “đầu gà” vừa có tiếng, vừa có miếng.

Thời thế mới, thị trường hoá, các đoàn nghệ thuật có khó khăn. Ông Thà được cho về hưu. Dẫu có sống giản tiện đến mức khôi hài như người ta đồn đại thì ông vẫn phải lo sống. Bà vợ đã về ở hẳn với ông, ngày ngày bán xôi sáng thêm vào đồng lương hưu tạm giải quyết được sự chi tiêu vặt trong nhà. Còn những cái “thú” của ông?

Người ta mãi đàm tiếu thú “nhậu” của ông, lơ đi hoặc chẳng biết đến những thú tinh thần vẫn giúp ông “sống” được. Mà có phải thú tinh thần nào cũng chỉ xài bằng tinh thần đâu! Anh con trai ông trước đây nghe lời ông đã cố gắng học và đỗ loại giỏi vào đại học được đi du học, ra trường được nhận bằng đồ, -tự lực chứ chẳng phải mua. Về nước, anh mang theo sách chứ không phải “hàng” như bao người khác cùng cảnh. Anh lê la kiếm việc; thiếu cái khoản “đầu tiên” nên “rách” một thời gian dài, đến nỗi người yêu “đã ngỏ lời rồi đành lỗi hẹn”. Cho đến lúc anh gặp một xí nghiệp do nước ngoài đầu tư. Bây giờ anh ta vợ con đề huề, ngự trong một biệt thự tại một thành phố phía nam. Ông chẳng dính gì đến chuyện kiếm ăn của con. Cơ ngơi của ông bà vẫn là gian phòng được phân ngày nọ. chung quanh hầu hết các căn hộ đều đã được coi nới, tôn tạo làm biến dạng khu nhà đến mức người cũ đi xa dăm năm trở về e bị lạc. Ông bảo, vui vẻ: “Tôi giữ căn hộ của tôi y nguyên để làm chứng tích lịch sử một thời cho mai sau”. Mai sau thế nào thì chưa biết, trước mắt, ông đang có nhu cầu làm thêm.. Ày! thiếu gì nhà hàng, quán nhậu cần nhạc sống. Khốn nỗi, nhạc đường như chỉ để khuấy động, hoặc náo động, cái chính thu hút khách là ở chỗ “sống”. Bộ dạng ông bây giờ chỉ xua khách đi thì có. Còn các lớp nhạc tại gia? Các lớp loại này nay nằm dưới sự quản lí của “Công ti dịch vụ phụng sự tại gia”, nó bao thầu mọi thứ: gia sư, vú em, bếp, bồi, coi vườn, vệ sĩ,... mà giám đốc là giáo sư Thảo nào đó. À, hẳn là tay Thảo bên May-xuất-khẩu sang kiêu. Ông Thà ghét “thằng cha” này. Làm tôi tớ cho người nước ngoài hành hạ công nhân mình, -[font=.vntime] đã có mấy cô thợ giặt bên máy, mà đến đâu cũng xì tiền làm phúc dưới mĩ từ “làm việc thiện”. Vả lại, ai muốn xin việc phải đến văn phòng công ti đặt cọc

trước; ông đào đầu ra “cọc”? Nghe người mách trường đại học dân lập nọ cần một người hướng dẫn văn nghệ theo vụ, ông lập tức tìm đến. Người bảo vệ, sau khi căn vặn, cho ông vào phòng chờ.. Một người đeo kính trắng, loại không số, tóc xõa xuống trùm tai và lưng chừng cái cổ ngẩng, ôm cái cặp to sù bước vào. Ông Thà ngừng nhìn ngò ngợ: “Thảo phải không?” Người kia giương mắt sau cặp kính ngắm một lúc vừa đủ: “À, anh!”. Đúng là Thảo, mới điểm trang thêm cái kính. Anh ta đường bệ bước tới chìa tay ra. Ông Thà đúng là “vào cửa quan gặp người quen”, vồ vập: “Cậu đến liên hệ công tác à?” Thảo khịt mũi: “Tôi là giáo sư ở đây”. Ông Thà giật mình, nhả vôi bàn tay mình ra. Giáo sư ư? Đúng vậy. “Giáo sư” luật hẳn hoi nhá! Có gì đáng lạ đâu, thời buổi này. Anh ta đã kiếm được tám bằng thạc sĩ... tâm lí học. Anh ta vẫn là hiệu trưởng trường nghệ thuật, giữ một chân bên này phòng khi phải “hạ cánh an toàn” bên kia. Hôm nào, một thanh niên đã cứng tuổi bảo bạn trong một quán nước: “Tao học thêm luật để bắt chúng nó tuân luật, còn tao thì tìm kẽ hở của luật”. Hừm! Trò ấy cặp với thầy này mới xứng đôi. Thảo, giọng ái ngại, cho ông Thà biết cái chân văn nghệ ở đây anh ta đang giới thiệu cho một người học trò cũ của mình. Và, trong một sự cảm thông chan chứa, như vũ trụ nguyên thủy vẫn vậy, anh ta nhân tiện nói thêm rằng trường nghệ thuật của anh ta bớt lớp, số giáo viên có cơ thừa. Ông Thà hiểu ngay không còn giờ dạy cho người ngoài. Ông sực nghĩ ra: “của giáo sư Thảo”, cái công ti phụng sự tại gia trong tay thằng này. Chắc rồi. Thảo này hay Thảo kia thì cũng rứa. Ngày trước mình đã tưởng “chẳng hại gì cho ai”(!).

* * *

Đã lâu tôi không gặp ông Thà, cũng không được tin ông. Tôi mừng tượng ông đã già lắm song tóc chưa bạc hết, dáng đi vẫn thẳng. Cái chuyện xin lên nước để giặt cổ áo là chuyện đời xưa, như mọi chuyện khác người ta đồn thổi về ông. Hẳn ông không ra ngoài nhậu nữa. Thôi, thế cũng là phải. Các hàng quán bây giờ, chuyện vệ sinh thực phẩm, vệ sinh đồ uống rất chi là lòi thoi. Thêm nữa, nhậu ở ngoài ngày nay hiếm ai vì sự khoái khẩu đơn thuần, cả khi họ tiêu vong những đồng tiền bất chính. Thế nào bà chẳng thỉnh thoảng sửa cho ông bữa nhậu, nhẹ mà ngon, -bà vốn khéo tay nội trợ. Ông có thể rủ bà cùng nâng chén, nâng đĩa. Và người bạn nào đó đủ thân. Tôi tin ông Thà vẫn giữ được cái cười khà khà thật rộng miệng như hồi ông kể lại chuyện ba tiếng trống chầu “tao! tao! tao!”./.

Hải Phòng, 4 - 2000